



KẾ HOẠCH THỨC ĐẨY SỰ THAM GIA CỦA BÊN LIÊN QUAN

CHI TRẢ DỰA TRÊN KẾT QUẢ REDD+ CỦA VIỆT NAM CHO NĂM 2014

Hà Nội, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	I
1. MỤC TIÊU CỦA KHUNG THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN	5
2. THU HÚT VÀ THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ ĐỀ XUẤT	9
3. QUY TRÌNH THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG VIỆC TRIỂN KHAI DỰ ÁN	13
3.1. CÁC BÊN LIÊN QUAN CHÍNH VÀ CHIẾN LƯỢC TƯƠNG TÁC	13
3.2 QUY TRÌNH THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN	20
4. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI.....	23
5. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ , BÁO CÁO VÀ NGÂN SÁCH	27
PHỤ LỤC.....	30
PHỤ LỤC 1: BIÊN BẢN CÁC HỘI THẢO THAM VẤN VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN	31
PHỤ LỤC 2. KẾT QUẢ THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN	35
HỘI THẢO VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI.....	35

TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

ACMA	Phương pháp quản lý hợp tác thích ứng
ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AE	Cơ quan được ủy quyền
ANR	Tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung
AP	Người dân bị ảnh hưởng (còn được gọi là người dân bị di dời)
BCC	Hành lang bảo tồn đa dạng sinh học (được tài trợ bởi GEF/ADB)
BMU	Bộ Môi trường, Bảo tồn Thiên nhiên và An toàn Hạt nhân Liên bang Đức
BSM	Cơ chế chia sẻ lợi ích
BSP	Kế hoạch chia sẻ lợi ích
UBDT	Ủy ban dân tộc
CERDA	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển vùng cao
CF	Quỹ các-bon
QLRCĐ	Quản lý rừng cộng đồng
UBNDX	Ủy ban Nhân dân Xã
BQLDATW	Ban quản lý dự án trung ương
KĐBATQG	Khung đảm bảo an toàn quốc gia
CSO	Các tổ chức xã hội dân sự
SNN&MT	Sở Nông nghiệp và Môi trường
SNN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
CLN	Cục Lâm nghiệp
STN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
UBNDH	Ủy ban nhân dân huyện
DTTS	Người dân tộc thiểu số
GPT	Giảm phát thải
CT-GPT	Chương trình giảm phát thải (khu vực)
ERPA	Thỏa thuận chi trả giảm phát thải
ĐGTĐMTXH	Đánh giá tác động môi trường - xã hội

KQLMTXH	Khung quản lý môi trường – xã hội
KHQLMTXH	Kế hoạch quản lý môi trường - xã hội
ĐBATMTXH	Đảm bảo an toàn môi trường – xã hội
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc
FCPF	Quỹ đối tác các-bon trong lâm nghiệp
CCTNPH&GQKN	Cơ chế tiếp nhận phản hồi và giải quyết khiếu nại
FLEGT	Thực thi pháp luật về rừng, quản trị và thương mại
BQLR	Ban Quản lý Rừng (bao gồm cả BQLRPH và BQLRĐD)
FORMIS	Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp
CKL	Cục Kiểm lâm
FPIC	Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin
FREL/FRL	Mức phát thải tham chiếu của rừng/ Mức phát thải của rừng
FSDP	Dự án phát triển ngành lâm nghiệp
ĐGG/KHHĐG	Đánh giá giới/Kế hoạch hành động giới
GCF	Quỹ Khí hậu Xanh
GESG	Hướng dẫn đảm bảo an toàn môi trường và xã hội của JICA (tháng 1 năm 2022)
CCGQKN	Cơ chế giải quyết khiếu nại
HCV	Rừng có giá trị bảo tồn cao
HGD	Hộ gia đình
ĐGTĐMTBĐ	Đánh giá tác động môi trường ban đầu
IPP	Kế hoạch phát triển người bản địa
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
JICA 2	Dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ
JICA 3	Dự án Quản lý Rừng Bền vững Vùng Tây Bắc
BNN&MT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
BQL	Ban quản lý
BQLCDALN	Ban quản lý các dự án lâm nghiệp

BTC	Bộ Tài chính
BCT	Bộ Công thương
BLĐTBXH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
BTN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BKH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
NGOs	Các tổ chức phi chính phủ
NRAP	Chương trình hành động REDD+ quốc gia
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
OP	Chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới
PaMs	Chính sách và Biện pháp
PanNature	Trung tâm con người và thiên nhiên
PFES	Chi trả dịch vụ môi trường rừng
BQLRPH	Ban quản lý rừng phòng hộ
PLR	Chính sách, Luật và Quy định
UBNDT	Ủy ban Nhân dân tỉnh
BQLDACT	Ban quản lý dự án cấp tỉnh
PRAP	Kế hoạch hành động REDD cấp tỉnh
REDD+	Nỗ lực của các quốc gia nhằm giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng, thúc đẩy bảo tồn, quản lý rừng bền vững và tăng cường trữ lượng carbon rừng.
KCSTĐC	Khung chính sách tái định cư
KHTĐTGBLQ	Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của bên liên quan
ĐGMTXHCL	Đánh giá môi trường - xã hội chiến lược
CTLNNN	Công ty Lâm nghiệp Nhà nước
HTTTĐBANT	Hệ thống thông tin đảm bảo an toàn
SNV	Tổ chức Phát triển Hà Lan
SOI	Báo cáo tóm tắt về bảo đảm an toàn REDD+
SRD	Phát triển nông thôn bền vững
SSCO	Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước về Chương trình Mục tiêu Phát triển Lâm nghiệp Bền vững giai đoạn 2016-2020 và thực hiện REDD+

TCTKT	Tổ công tác kỹ thuật
BQLRĐĐ	Ban quản lý rừng đặc dụng
UNDP	Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc
UNEP	Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc
UNFCCC	Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu
UN-REDD	Chương trình REDD+ của Liên Hợp Quốc
UoP	Dự án sử dụng tiền chi trả dựa trên kết quả REDD+
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VFD	Dự án Rừng và Đồng bằng (được USAID tài trợ)
VNFF	Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng Việt Nam
CLN&KL	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
VPA	Thỏa thuận đối tác tự nguyện
HLHPNVN	Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới

1. MỤC TIÊU CỦA KHUNG THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Sự tham gia của các bên liên quan là một biện pháp đảm bảo an toàn cơ bản cho nhân quyền và phát triển bền vững.

Nguyên tắc cơ bản là tất cả các cá nhân hoặc tổ chức có lợi ích, hay “quyền lợi”, trong các hoạt động phát triển đều là các bên liên quan có quyền được tôn trọng đã được chấp nhận từ nhiều năm nay. Sự tham gia của các bên liên quan không chỉ là một quyền cơ bản của con người, mà hơn nữa còn là một yếu tố thiết yếu để đảm bảo tính bền vững của các nỗ lực phát triển.

Việt Nam và các đối tác phát triển của mình đều đã áp dụng các chính sách đảm bảo an toàn để tránh và giảm thiểu mọi tác động tiêu cực có thể xảy ra từ các hoạt động phát triển, tức là "không gây hại", và cũng để thúc đẩy các tác động tích cực, tức là "làm điều tốt".

Các biện pháp đảm bảo an toàn quốc gia

Việt Nam có Hiến pháp và các chính sách, luật, quy định riêng về quyền của công dân, đảm bảo quyền bình đẳng cho tất cả người dân tộc thiểu số¹, phụ nữ và nam giới. Như đã thảo luận trong Đánh giá môi trường – xã hội (ĐGMTXH), khung pháp lý của Việt Nam công nhận và bảo vệ rõ ràng một số quyền của người dân tộc thiểu số, bao gồm quyền không bị phân biệt đối xử, công nhận và thúc đẩy quyền văn hóa và quyền kế thừa văn hóa của người dân tộc thiểu số (ngầm thừa nhận một mức độ tự quyết). Người dân tộc thiểu số được công nhận là các nhóm dễ bị tổn thương ở Việt Nam và được Chính phủ dành sự ưu đãi đặc biệt trong tất cả các dự án phát triển. Hiến pháp khẳng định sự bình đẳng của họ, trong khi Luật Di sản Văn hóa hiện hành công nhận giá trị và nhu cầu bảo vệ văn hóa của các dân tộc theo nguyện vọng của họ.

Các biện pháp đảm bảo an toàn Cancun

Riêng đối với lâm nghiệp và biến đổi khí hậu, hay những nỗ lực quốc tế nhằm giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD+), Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) đã khẳng định một bộ gồm bảy biện pháp bảo đảm an toàn về quản trị, xã hội và môi trường tại cuộc họp ở Cancun, Mexico, năm 2010. Biện pháp bảo vệ thứ tư liên quan đến sự tham gia của các bên liên quan:

Biện pháp đảm bảo an toàn d) Sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, đặc biệt là người dân tộc bản địa và cộng đồng địa phương.

¹ Cần lưu ý rằng trong bối cảnh Việt Nam, thuật ngữ “dân tộc thiểu số” được sử dụng thay vì “người bản địa” vì Chính phủ không công nhận bất kỳ nhóm dân tộc nào là “người bản địa”. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng nhiều chính sách/chương trình để hỗ trợ và ưu tiên các nhóm dân tộc thiểu số. Do đó, thuật ngữ “dân tộc thiểu số” được sử dụng nhất quán trong tài liệu này.

Các biện pháp đảm bảo an toàn của Cơ quan được ủy quyền, JICA

Trong dự án này, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) sẽ đóng vai trò là Cơ quan được ủy quyền (AE) để quản lý khoản tài trợ từ Quỹ Khí hậu Xanh sắp tới cho Dự án sử dụng tiền chi trả dựa trên kết quả REDD+ (Dự án UoP/Dự án). Các biện pháp đảm bảo an toàn và Hướng dẫn đảm bảo an toàn Môi trường và Xã hội của JICA đã được cập nhật vào năm 2022.

Các biện pháp đảm bảo an toàn của JICA được xây dựng dựa trên các biện pháp đảm bảo an toàn mới nhất của Ngân hàng Thế giới, hay còn gọi là Tiêu chuẩn An toàn Môi trường và Xã hội (TCATMTXH), được Ngân hàng Thế giới thông qua năm 2016 và có hiệu lực đối với các dự án bắt đầu từ giữa năm 2018 trở đi. TCATMTXH 10 liên quan đến Sự tham gia của các bên liên quan và Công khai thông tin. Đoạn 18 lưu ý rằng:

“Trong một số trường hợp nhất định, tùy thuộc vào mức độ thông tin hiện có về dự án, Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của bên liên quan (KHTĐTGBLB) sẽ áp dụng hình thức tiếp cận khung, nêu rõ các nguyên tắc chung và chiến lược hợp tác để xác định các bên liên quan và lập kế hoạch cho quy trình tham gia phù hợp với TCATMTXH này, quy trình sẽ được thực hiện sau khi xác định được địa điểm.

⁷ Ví dụ, trường hợp vị trí chính xác của dự án chưa được xác định.”

Chính sách của Quỹ Khí hậu Xanh

Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) yêu cầu phải có các kế hoạch tham gia của các bên liên quan. Năm 2014, GCF đã áp dụng các Tiêu chuẩn Hiệu suất của Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) làm biện pháp đảm bảo an toàn tạm thời của GCF. Tiêu chuẩn Hiệu suất đầu tiên (PS1), về Đánh giá và Quản lý Rủi ro và Tác động Môi trường - Xã hội, yêu cầu “sự tham gia hiệu quả của cộng đồng thông qua việc công khai thông tin liên quan đến dự án và tham vấn với cộng đồng địa phương về các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến họ”. Vào tháng 5 năm 2022, GCF đã thông qua Hướng dẫn về Tính bền vững: Thiết kế và đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của các bên liên quan trong các hoạt động do GCF tài trợ. Tài liệu này hỗ trợ các yêu cầu khác về các bên liên quan được tìm thấy trong Chính sách Môi trường - Xã hội sửa đổi năm 2021, Chính sách Giới cập nhật năm 2019 và Chính sách về Người bản địa năm 2018 của GCF.

Theo Hướng dẫn, kế hoạch tham gia của các bên liên quan nên “dựa trên các nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình, tính toàn diện, không phân biệt đối xử và “không gây hại”. Hướng dẫn cũng nêu rõ:

“Tất cả các kế hoạch tham gia của các bên liên quan... nên bao gồm:

- Một quy trình chi tiết để tương tác hiệu quả với cộng đồng và cá nhân – bao gồm các nhóm và cá nhân dễ bị tổn thương và yếu thế – những người

bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động được đề xuất do GCF tài trợ;

- Mô tả về cách thức công bố thông tin; quy trình tham vấn có ý nghĩa và sự tham gia được cung cấp thông tin sẽ diễn ra theo cách phù hợp về văn hóa và bình đẳng giới; và, trong một số trường hợp nhất định, các bước sẽ được thực hiện để có được sự đồng thuận tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin của người dân bản địa; và
- Một quy trình tiếp nhận và quản lý các quan ngại và khiếu nại ở cấp dự án được thiết kế dựa trên sự tham vấn với các bên liên quan theo cách thức bình đẳng giới và bổ sung cho cơ chế giải quyết khiếu nại của Cơ quan được ủy quyền (AE) và Cơ chế Giải quyết Khiếu nại Độc lập của GCF.”

Các tài liệu phục vụ cho dự án này – Đánh giá Môi trường - Xã hội (ĐGMTXH), Khung Quản lý Môi trường - Xã hội (KQLMTXH), Đánh giá Giới (ĐGG), Kế hoạch Hành động Giới (KHHĐG), Khung Kế hoạch đảm bảo quyền cho Người bản địa (IPPF) và Đề xuất chi trả (FP) – đều đề cập đến các hình thức tham gia khác nhau với các bên liên quan cũng như các hoạt động dự kiến về công khai, phổ biến thông tin và truyền thông với các bên liên quan. Nhiều hình thức giải quyết khiếu nại, bao gồm cả các cơ chế hiện có đang được sử dụng tại Việt Nam và các Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (CCGQKN) đặc thù của dự án – sẽ được thảo luận và thống nhất với các bên liên quan.

Nguyên tắc tham gia của các bên liên quan

1. Dự án sẽ dựa trên nhiều năm kinh nghiệm, phương pháp và thực tiễn tốt nhất về việc thu hút sự tham gia của các bên liên quan trong lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn tại Việt Nam, đặc biệt là chương trình ERPA khu vực Bắc Trung Bộ do WB/FCPF tài trợ.
2. Việc khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan sẽ được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án, từ thiết kế dự án đến lập kế hoạch và triển khai chi tiết hơn, giám sát, quản lý thích ứng, và kết thúc dự án cũng như đánh giá cuối cùng. Điều này sẽ thúc đẩy mối quan hệ bền chặt giữa dự án và các bên liên quan, cũng như sự chấp nhận ở mọi cấp độ, kể cả cấp thôn bản.
3. Dự án sẽ hướng tới việc thúc đẩy mức độ tham gia cao nhất của các bên liên quan trong tất cả các hoạt động của mình. Do đó, dự án sẽ không chỉ tìm cách thông báo và tham vấn các bên liên quan, mà còn hợp tác với các bên liên quan như những đối tác thực sự, cùng tham gia vào quá trình ra quyết định, giám sát và đánh giá, cũng như quản lý thích ứng các hoạt động của dự án.
4. Dự án cam kết hợp tác với các bên liên quan theo cách thức phù hợp về văn hóa, sử dụng ngôn ngữ và hình thức dễ tiếp cận với tất cả các bên liên quan, và giải quyết các rào cản kinh tế - xã hội khi cần thiết.

5. Tính minh bạch về dự án, với thông tin được cung cấp, phổ biến và truyền đạt đến công chúng nói chung cũng như các nhóm liên quan riêng.
6. Cẩm nang hoạt động dự án (POM) sẽ cung cấp thông tin chi tiết về các cơ chế giải quyết khiếu nại dành cho các bên liên quan, bao gồm cả các cơ chế đã được thiết lập trong nước và các cơ chế đặc thù của dự án. Dự án sẽ thiết lập thêm bất kỳ cơ chế phù hợp về mặt văn hóa nào cần thiết để tiếp nhận khiếu nại. Ví dụ, dự án sẽ thiết lập một cơ chế giải quyết khiếu nại riêng cho nhân viên và cộng tác viên của dự án, cũng như một cơ chế giải quyết khiếu nại bí mật, tập trung vào nạn nhân để xử lý bất kỳ vấn đề nào liên quan đến bóc lột, lạm dụng và quấy rối tình dục (BLLDQRTD) có thể phát sinh .

Mục tiêu của Kế hoạch Thúc đẩy sự tham gia của Bên liên quan (KHTĐTGBLQ)

Mục tiêu tổng thể của Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của bên liên quan (KHTĐTGBLQ) này là xác định một chương trình tham gia của các bên liên quan, bao gồm công khai thông tin và tham vấn, trong suốt toàn bộ chu kỳ dự án, và phân bổ ngân sách cũng như các nguồn lực khác trong thiết kế dự án, thực hiện dự án và Giám sát Đánh giá (M&E) cho việc tham gia của các bên liên quan. KHTĐTGBLQ này là một tài liệu sống và sẽ được cập nhật trong suốt vòng đời của dự án.

2. THU HÚT VÀ THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ ĐỀ XUẤT

Nhiều bên liên quan trong lĩnh vực lâm nghiệp và chương trình REDD+ (được trình bày trong ĐGMTXH tại Phụ lục 2 của Đề xuất chi trả) tại Việt Nam, cũng như kinh nghiệm trước đây với lĩnh vực này với các bên liên quan, đã được xem xét trong thiết kế của Dự án. Để xây dựng ý tưởng dự án, các phân tích và kinh nghiệm hiện có trong ngành lâm nghiệp Việt Nam đã được tham vấn kỹ lưỡng.

- Dự án Chuẩn bị REDD+ đã tiến hành đánh giá chuyên sâu về các bên liên quan của REDD+. Việc đánh giá này hỗ trợ các nỗ lực trên bằng cách lập bản đồ các bên liên quan, lập kế hoạch tham gia của các bên liên quan và xây dựng chiến lược truyền thông về REDD+. Dự án này cũng đã thực hiện một Đánh giá Môi trường - Xã hội Chiến lược rất chi tiết (ĐGMTXHCL, KQLMTXH, ĐGG, KHHĐG, EMPF) để chuẩn bị cho Chương trình Hành động REDD+ Quốc gia và Dự án WB/FCPF và các sự kiện thu hút sự tham gia của các bên liên quan này bao gồm:
 - Gặp gỡ đại diện chính phủ từ các lĩnh vực và các cấp khác nhau;
 - Các cuộc họp với các đối tác phát triển, bao gồm các nhà tài trợ, các dự án, các hiệp hội phi lợi nhuận (xã hội dân sự) và khu vực tư nhân; và
 - Gặp gỡ người dân.
- Song song đó, như đã thảo luận trong ĐGMTXH, kinh nghiệm liên quan đến các biện pháp đảm bảo an toàn từ các dự án lâm nghiệp lớn trong quá khứ đã được xem xét chi tiết.

Có nhiều lý do để thu hút sự tham gia của các bên liên quan trong giai đoạn xây dựng đề xuất dự án :

- Tham vấn các bên liên quan để tăng cường tính chủ động và cải thiện thiết kế dự án: Việc các bên liên quan ở cấp trung ương và địa phương tham gia ngay từ giai đoạn đầu thiết kế dự án là vô cùng quan trọng, nhằm khuyến khích và thúc đẩy tính chủ động của trung ương và địa phương đối với dự án, cũng như đảm bảo thiết kế dự án dựa trên thực tế địa phương, bối cảnh, kiến thức và lợi ích của người dân.
- Một phần của đánh giá môi trường - xã hội và giới: Khi xây dựng đề xuất dự án đầy đủ gửi lên GCF, cần tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội (ĐGTĐMTXH) đối với các lợi ích và rủi ro tiềm ẩn của dự án. Theo đó, các biện pháp giảm thiểu sẽ được đề xuất và đưa vào ĐGTĐMTXH hoặc KHQLMTXH (Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội) riêng biệt (nếu cần) cùng với KHHĐG nhằm tối đa hóa lợi ích và tránh, giảm thiểu hoặc hạn chế rủi ro. Thực tiễn tốt cho thấy tham vấn các bên liên quan nên là trọng tâm của đánh giá môi trường và xã hội. Cuối cùng, một trong những mục đích chính của việc

tham gia của các bên liên quan là thiết lập và duy trì mối quan hệ mang tính xây dựng với nhiều bên liên quan bên ngoài trong suốt vòng đời của dự án.

Để thiết kế dự án, các bên liên quan chính sẽ tham gia vào dự án bao gồm:

- Cán bộ chính phủ ở các cấp trung ương đến địa phương, cả trong lĩnh vực lâm nghiệp và các lĩnh vực liên quan.
- Các đối tác phát triển, bao gồm các nhà tài trợ, dự án và các tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội dân sự.
- Khu vực tư nhân
- Các viện hàn lâm và cơ sở nghiên cứu
- Các cộng đồng địa phương (chưa xác định cụ thể) và đặc biệt là các thành viên dễ bị tổn thương hơn trong cộng đồng, bao gồm phụ nữ và các nhóm dân tộc thiểu số.

Như vậy, trong quá trình xây dựng Dự án, một số hội thảo tham vấn đã được tổ chức với các bên liên quan khác nhau ở các cấp độ khác nhau. Tổng cộng có 441 người tham gia các cuộc họp này (22,9 % là phụ nữ và 20,6 % là người dân tộc thiểu số). Thông tin chi tiết được trình bày trong Bảng 1 bên dưới và trên các phương tiện truyền thông ở cả ²cấp trung ương và cấp tỉnh ³. Các hội thảo này tập trung vào các tác động tiềm ẩn về môi trường - xã hội của Dự án sử dụng tiền chi trả dựa trên kết quả REDD+ (UoP), đề xuất và thảo luận về các biện pháp giảm thiểu sẽ được thực hiện trong quá trình triển khai Dự án. Những người tham gia đến từ các Bộ và tổ chức phi chính phủ khác nhau ở cấp trung ương, và từ các tỉnh hoặc xã khác nhau ở cấp khu vực và địa phương. Các ý kiến đóng góp từ các hội thảo này đã được xem xét để hoàn thiện báo cáo này và được ghi lại trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2. Mặc dù hầu hết các ý kiến đều tương tự như những gì đã được thảo luận trong bản dự thảo báo cáo, nhưng cũng có một số đề xuất được bổ sung vào báo cáo như là rủi ro tiềm ẩn liên quan đến các biện pháp giảm thiểu được đề xuất. Chúng bao gồm dịch bệnh cây trồng, thiên tai, di cư và COVID-19. Nhìn chung, đa số đều nhất trí rằng phạm vi tác động môi trường - xã hội không quá đáng kể trong quá trình thực hiện các hoạt động REDD+ và các chính sách hiện hành đã giải quyết thỏa đáng các tác động tiềm ẩn và đề xuất các biện pháp giảm thiểu khả thi (Chi tiết được mô tả trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

² <https://daln.gov.vn/hoi-thao-tham-van-quoc-gia-ve-cac-rui-ro-moi-truong-va-xa-hoi-lien-quan-den-viec-thuc-hien-chuong-trinh-thi-diem-chi-tra-redd-dua-vao-ket-qua-do-quy-khi-hau-xanh-tai-tro.27352.news>
<https://daln.gov.vn/hoi-thao-tham-van-quoc-gia-ve-cac-rui-ro-moi-truong-va-xa-hoi-lien-quan-den-viec-thuc-hien-chuong-trinh-thi-diem-chi-tra-redd-dua-vao-ket-qua-do-quy-khi-hau-xanh-tai-tro.27352.news>

³ <https://baogialai.com.vn/hoi-thao-tham-van-cap-co-so-ve-cac-rui-ro-moi-truong-va-xa-hoi-post382718.html>

Bảng 1. Tổng hợp thông tin các hội thảo tham vấn

Hội thảo	Ngày	Địa điểm	Số lượng đại biểu
Hội thảo tham vấn quốc gia lần 1	27/10/2020	Tại Hà Nội	44
Hội thảo tham vấn vùng Tây Bắc	21/10/2020	TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	42
Hội thảo tham vấn địa phương tại vùng Tây Bắc	21/10/2020	Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	39
Hội thảo tham vấn vùng Đông Bắc	10/11/2020	TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	54
Hội thảo tham vấn địa phương tại vùng Đông Bắc	9/11/2020	Huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	65
Hội thảo tham vấn quốc gia lần 2	14/6/2022	Tại Hà Nội	61
Hội thảo tham vấn vùng Tây Bắc (lần 2)	1/6/2022	TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	36
Hội thảo tham vấn địa phương tại vùng Tây Bắc (lần 2)	2/6/2022	Huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	40
Hội thảo tham vấn vùng Đông Bắc (lần 2)	8/6/2022	TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	36
Hội thảo tham vấn địa phương tại vùng Đông Bắc (lần 2)	9/6/2022	Huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	24
TỔNG CỘNG			441

Các ý kiến và đề xuất từ đối tượng tham gia đã được tổng hợp, tiếp thu vào thiết kế dự án. Cụ thể như sau:

- Tất cả ý kiến tham gia đều nhấn mạnh tính cần thiết của dự án đối với quản lý rừng bền vững trong tương lai.
- Xây dựng bản đồ rừng và xác định ranh giới chính xác là yêu cầu rất quan trọng với cơ quan quản lý và cộng đồng địa phương và sẽ được xem xét thực hiện trong Dự án.
- Dự án cần xây dựng hướng dẫn chi tiết và điều chỉnh chính sách liên quan đến quản lý rừng và tiếp cận LSNG (ví dụ: hồ sơ quản lý rừng cộng đồng cần bao gồm danh sách người dân được phép khai thác LSNG).
- Tăng cường quản lý rừng dựa vào cộng đồng thôn bản là một nội dung trọng tâm của Dự án.
- Cộng đồng địa phương phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên rừng (thiếu đất canh tác; hạn chế tiếp cận nguồn thu nhập phi nông nghiệp; cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện; hoặc do tập quán văn hóa). Do đó, Dự án cần nghiên cứu các hoạt động sinh kế để hỗ trợ hộ gia đình dễ bị tổn thương và phụ thuộc vào rừng.

- Trong nhiều trường hợp, người dân địa phương không thể tham gia hiệu quả vào công tác bảo vệ rừng (do thiếu nguồn lực, nhân lực và cơ sở vật chất, địa hình phức tạp, biến đổi khí hậu, v.v.).
- Chia sẻ lợi ích từ bảo vệ rừng cho người dân địa phương cần dựa trên đóng góp thực tế.
- Người dân chưa thực sự hiểu rõ vai trò của bảo vệ rừng và đôi khi chỉ tập trung vào lợi ích ngắn hạn. Dự án cần nâng cao nhận thức để giải quyết vấn đề này.
- Dự án cần thiết lập kênh trao đổi thông tin phù hợp cho từng cộng đồng.
- Tiến hành khảo sát chi tiết thực trạng sử dụng đất và phân bổ/giao đất sản xuất, nếu có thể, đảm bảo người dân có đủ đất canh tác, không bị ảnh hưởng tới an ninh lương thực; hoặc có cơ hội phát triển sinh kế thay thế ở địa điểm khác trong quá trình thực hiện Dự án UoP.

3. QUY TRÌNH THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG VIỆC TRIỂN KHAI DỰ ÁN

3.1. CÁC BÊN LIÊN QUAN CHÍNH VÀ CHIẾN LƯỢC TƯƠNG TÁC

Khu vực công

Dự án đề xuất sẽ do Bộ NN&MT thực hiện, với sự tham gia của nhiều bên liên quan chính trong khu vực công ở các cấp độ khác nhau như được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 2. Bên liên quan trong khu vực công

	Bên liên quan	Mô tả	Giải pháp kết nối
Cấp trung ương			
1.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ NN&MT)	Bộ NN&MT là cơ quan cấp trung ương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước chung trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn và môi trường. Bộ NN&MT là cơ quan thực hiện Dự án.	- Bộ NN&MT và Cục LN&KL sẽ được tham vấn ở các giai đoạn quan trọng trong quá trình xây dựng đề xuất dự án - Hội thảo khởi động trước khi bắt đầu thực hiện Dự án. - Hội thảo tham vấn cuối cùng - Ngoài ra, Cục LN&KL sẽ được cập nhật về quá trình xây dựng đề xuất thông qua các cuộc họp và tham vấn không chính thức.
1a.	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (Cục LN&KL)	Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ NN&MT, chịu trách nhiệm quản lý nhà nước lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng cũng như chương trình REDD+. Cục LN&KL sẽ là cơ quan quản lý tham gia trực tiếp vào quá trình triển khai dự án.	
2.	Bộ Tài chính (BTC)	Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước lĩnh vực tài chính (ngân sách, thuế, nguồn thu khác, v.v.) và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư. BTC đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình triển khai dự án.	BTC sẽ được tham vấn tại hội thảo khởi động.

Bên liên quan		Mô tả	Giải pháp kết nối
Cấp địa phương			
1.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh là cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh, chịu trách nhiệm xây dựng và thực thi chính sách.	UBND tỉnh sẽ được tham vấn tại hội thảo khởi động và trong suốt giai đoạn thực hiện Dự án.
2.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở NN&MT chịu trách nhiệm quản lý các chương trình đầu tư công liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn và môi trường ở cấp tỉnh.	Các công ty lâm nghiệp nhà nước sẽ được tham vấn tại hội thảo khởi động và trong suốt giai đoạn thực hiện Dự án.
2a.	Chi cục Kiểm lâm (CCKL) / Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	CCKL / Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm chịu trách nhiệm quản lý nhà nước lĩnh vực bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.	
2b.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chịu trách nhiệm phát triển sản xuất nông nghiệp ở cấp tỉnh.	
2c.	Trung tâm khuyến nông	Hỗ trợ người dân và hợp tác xã, nâng cao năng lực thực hiện hoạt động.	
2d.	Chi cục Quản lý đất đai	Chịu trách nhiệm quản lý đất đai và lập kế hoạch sử dụng đất.	
2e.	Chi cục Bảo vệ môi trường	Chịu trách nhiệm đánh giá tác động môi trường, xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường, quan trắc và bảo tồn đa dạng sinh học.	
3.	Sở Tài chính	Chịu trách nhiệm quản lý tài chính cấp tỉnh (ngân sách, kế hoạch tài chính, nguồn thu, v.v.) và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như đầu tư ở cấp tỉnh.	Các công ty lâm nghiệp nhà nước sẽ được tham vấn tại hội thảo khởi động và trong suốt giai đoạn thực hiện Dự án.

	Bên liên quan	Mô tả	Giải pháp kết nối
4.	Ban Dân tộc	Chịu trách nhiệm thực hiện, theo dõi các chương trình đầu tư công hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số.	Các công ty lâm nghiệp nhà nước sẽ được tham vấn tại hội thảo khởi động và trong suốt giai đoạn thực hiện Dự án.
5.	Ban quản lý rừng	Ban quản lý rừng chịu trách nhiệm quản lý đất rừng sản xuất, phòng hộ và đặc dụng cũng như thực hiện hoạt động quản lý rừng trên hiện trường.	Các công ty lâm nghiệp nhà nước sẽ được tham vấn tại hội thảo khởi động và trong suốt giai đoạn thực hiện Dự án.
6	Công ty lâm nghiệp nhà nước	Công ty lâm nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm quản lý đất rừng sản xuất và phòng hộ cũng như thực hiện hoạt động quản lý rừng trên hiện trường.	Các công ty lâm nghiệp nhà nước sẽ được tham vấn tại hội thảo khởi động và trong suốt giai đoạn thực hiện Dự án.
7	UBND xã, cộng đồng, chủ rừng và cán bộ kiểm lâm, v.v.	Tham gia quản lý đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất và quản lý rừng.	Họ sẽ được tham vấn trong quá trình thực hiện Dự án.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ

Cộng đồng địa phương là một bên liên quan rất quan trọng trong Dự án UoP. Họ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biện pháp can thiệp của dự án, đồng thời là đối tượng chủ chốt tham gia thực hiện các hoạt động tại hiện trường. Cộng đồng địa phương (bao gồm người nhập cư không hợp pháp/người dân đang cư trú hợp pháp) là đối tượng dễ bị tổn thương nhất trước tác động của biến đổi khí hậu, có ít quyền lực và tầm ảnh hưởng nhất trong quá trình ra quyết định liên quan đến sử dụng đất và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Việt Nam có hơn 40 nhóm dân tộc thiểu số khác nhau sinh sống ở vùng Tây Bắc và Đông Bắc, nhiều trong số đó nằm trong nhóm dân số nghèo nhất và phụ thuộc lớn nhất vào tài nguyên rừng trên cả nước.

Mặc dù gặp nhiều thách thức, việc thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương và các nhóm dân tộc thiểu số vào quá trình xây dựng đề xuất dự án là vô cùng quan trọng. Không thể tham khảo ý kiến của tất cả các cộng đồng bị ảnh hưởng trong quá trình chuẩn bị đề xuất dự án. Tuy nhiên, việc tham khảo ý kiến của cộng đồng địa phương và các cộng đồng dân tộc thiểu số là bắt buộc trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động dự án nào ở mỗi tỉnh. Các cơ hội chính để thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương và các nhóm dân tộc thiểu số như sau:

- Tham vấn với đại diện của cộng đồng địa phương, bao gồm cả người nhập cư/cư dân không hợp pháp và các nhóm dân tộc thiểu số trong các hội thảo tham vấn về những hoạt động can thiệp của dự án, lợi ích và rủi ro tiềm ẩn, với sự tham vấn của các đại diện này và xã hội dân sự.
- Các cuộc tham vấn thực địa tại các địa điểm được lựa chọn sẽ được tiến hành như một phần của quy trình đánh giá tác động môi trường và xã hội (ĐGTĐMTXH) sau khi đề xuất tài trợ được GCF chấp thuận và trước khi dự án bắt đầu. Các địa điểm sẽ được lựa chọn dựa trên các tiêu chí và nhằm mục đích đánh giá tác động của các hoạt động can thiệp được đề xuất và ở các vị trí địa lý khác nhau cũng như trong các bối cảnh kinh tế - xã hội và văn hóa khác nhau.
- Việc tham vấn trong quá trình thực hiện Dự án UoP là rất quan trọng, đặc biệt là đối với công tác giám sát và đánh giá cũng như giám sát độc lập để tuân thủ các biện pháp đảm bảo an toàn của GCF.

TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ VÀ KHU VỰC TƯ NHÂN

Hệ thống tổ chức xã hội dân sự tại Việt Nam bao gồm các tổ chức đa dạng về quy mô và cơ cấu tổ chức, được gọi bằng nhiều tên khác nhau như hội/liên hiệp, hiệp hội, câu lạc bộ, quỹ, viện, trung tâm, ủy ban và nhóm tình nguyện. Các loại hình tổ chức xã hội dân sự chính tại Việt Nam được trình bày trong bảng dưới đây, đặc biệt nhấn mạnh các bên liên quan chính trong quá trình xây dựng dự án này.

Bảng 3. Tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân

Bên liên quan		Mô tả	Giải pháp kết nối
Tổ chức đoàn thể			
1.	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Tổ chức thực hiện phong trào quần chúng ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và là một phần trong hệ thống nhà nước Việt Nam.	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được tham vấn và chủ động tham gia vào hoạt động hiện trường trước khi bắt đầu triển khai ở cấp tỉnh.
2.	Hội Nông dân	Được thành lập ở cấp trung ương, tỉnh và xã. Giúp nâng cao nhận thức của nông dân về các mô hình, xây dựng năng lực phát triển hợp tác xã.	
3.	Hội liên hiệp phụ nữ	Được thành lập ở cấp trung ương, tỉnh và xã. Giúp nâng cao nhận thức của phụ nữ và xây dựng năng	

Bên liên quan		Mô tả	Giải pháp kết nối
		lực của phụ nữ về phát triển sinh kế, cải thiện sức khỏe, v.v.	
4.	Đoàn thanh niên	Được thành lập ở cấp trung ương, tỉnh và xã. Giúp nâng cao nhận thức của thanh niên về trách nhiệm công dân, tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng.	
Tổ chức chuyên môn			
1.	Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường	Tổ chức nghiên cứu khoa học thuộc Bộ NN&MT.	Có thể tham gia hội thảo tham vấn ở các giai đoạn sau trong quy trình thực hiện ĐGTĐMTXH/KHQLMTXH nếu cần thiết.
2.	Trường đại học	Các trường đại học chính trong vùng.	
3.	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Viện nghiên cứu lâm nghiệp, cung cấp thông tin khoa học về các vấn đề trong lĩnh vực lâm nghiệp	
Tổ chức phi chính phủ trong nước			
1	Sẽ được xác định sau (ví dụ: SRD, PanNature, CERDA, v.v tham gia trong các lĩnh vực liên quan tại ba vùng)	Số lượng tổ chức phi chính phủ trong nước đang tăng lên. Một số tổ chức phi chính phủ trong nước có năng lực tham gia vào các lĩnh vực chuyên đề liên quan đến dự án (ví dụ: FLEGT-VPA, REDD+, vấn đề dân tộc thiểu số) và/hoặc trực tiếp thực hiện hoạt động liên quan tại ba vùng. CERDA là quan sát viên chính thức của GCF tại Việt Nam.	Các tổ chức phi chính phủ trong nước sẽ được tham vấn: - Ở hội thảo quốc gia: - Thực hiện tham vấn trong giai đoạn ĐGTĐMTXH sau khi đề xuất chi trả được GCF chấp thuận và trước khi Dự án bắt đầu thực hiện. - Hội thảo tham vấn cuối cùng

Bên liên quan		Mô tả	Giải pháp kết nối
2	Sẽ được xác định sau	Việt Nam có rất nhiều tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực hợp tác nông thôn, sinh kế, tín ngưỡng, hoạt động giải trí, v.v. Ở cấp địa phương, một số tổ chức này có thể được tham vấn (tùy thuộc vào địa điểm được lựa chọn).	- Tham vấn với các hợp tác xã cộng đồng về canh tác cà phê và LSNG được thực hiện trong Dự án. - Thực hiện tham vấn trong giai đoạn ĐGTĐMTXH ở địa điểm cụ thể sau khi đề xuất chi trả được GCF chấp thuận và trước khi Dự án bắt đầu thực hiện.
Khu vực tư nhân			
1	Công ty tư nhân hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp	Hàng ngàn công ty tư nhân hoạt động trong chuỗi giá trị của ngành lâm nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển bền vững, đặc biệt trong quy trình FLEGT/VPA. Ở cấp địa phương, một số công ty tư nhân có thể được tham vấn (tùy thuộc vào địa điểm được lựa chọn).	Tham vấn với các công ty tư nhân trong quá trình thực hiện Dự án.

Các chiến lược/phương pháp thu hút sự tham gia của các bên liên quan trong lĩnh vực lâm nghiệp

Dự án UoP sẽ phải áp dụng các chiến lược/phương pháp khác nhau để thu hút sự tham gia của các bên liên quan tùy thuộc vào tình trạng giao đất giao rừng và người sử dụng rừng thực tế. Nhìn chung, sau đây là các loại hình giao đất giao rừng và người sử dụng rừng thực tế cùng với các chiến lược/phương pháp thu hút sự tham gia của các bên liên quan tương ứng.

Bảng 4 của tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân

Giao đất giao rừng cho:	Người sử dụng rừng thực tế:	Chiến lược/Cách tiếp cận có sự tham gia của các bên liên quan:
Tổ chức	Không có	Loại 01
Tổ chức	Hộ gia đình/cá nhân	Loại 02
Hộ gia đình/cá nhân	Hộ gia đình/cá nhân	Loại 03
Không có (chưa được giao)	Không có	Loại 01
Không có (chưa được giao)	Hộ gia đình/cá nhân	Loại 02

Loại 01

- Bên liên quan chính trong lĩnh vực này là chủ sở hữu rừng, các tổ chức như ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp nhà nước, công ty lâm nghiệp tư nhân, v.v.
- Việc thu hút sự tham gia của các bên liên quan chỉ tập trung vào chủ sở hữu rừng là tổ chức mà không đặc biệt xem xét đến vấn đề giới tính và dân tộc thiểu số.

Loại 02

- Chủ sở hữu rừng là một tổ chức, nhưng toàn bộ hoặc một phần đất lâm nghiệp thực tế được người dân địa phương (hộ gia đình/cá nhân) sử dụng HOẶC đất lâm nghiệp/rừng đó chưa được giao, tức là đang được ủy ban nhân dân xã (UBNDX) tạm thời quản lý, nhưng toàn bộ hoặc một phần đất lâm nghiệp thực tế được người dân địa phương (hộ gia đình/cá nhân) sử dụng.
- Trong trường hợp này, chủ sở hữu rừng hoặc các UBNDX có thể, tùy thuộc vào tình hình cụ thể, phải ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng với người sử dụng rừng thực tế (hộ gia đình/cá nhân) để thu hút họ tham gia quản lý rừng.

Việc thu hút sự tham gia của các bên liên quan cần tập trung vào cả vấn đề giới và dân tộc thiểu số .

3.2 QUY TRÌNH THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tham vấn cộng đồng thông qua phương tiện truyền thông đại chúng như đài phát thanh, truyền hình và loa phát thanh... cũng là một quy trình bắt buộc ở Việt Nam, được quy định trong nhiều chính sách hiện hành của Chính phủ, bao gồm Pháp lệnh về dân chủ ở cơ sở. Sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của các bên liên quan, bao gồm đối tượng dễ bị tổn thương như người dân tộc thiểu số và phụ nữ, được đặc biệt nhấn mạnh và phù hợp với biện pháp ĐBAT Cancun. Phần này mô tả quy trình đảm bảo tham vấn và sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình đánh giá, xây dựng kế hoạch hành động và giám sát tác động môi trường-xã hội liên quan đến các hoạt động dự án cụ thể, bao gồm yêu cầu công khai thông tin, liên quan đến việc sử dụng tiền chi trả dựa trên kết quả REDD+.

Ở giai đoạn đầu của Dự án UoP, Bộ NN&MT sẽ tổ chức một hội thảo khởi động cấp quốc gia với sự tham gia của các bên liên quan chính. Hội thảo khởi động giúp xây dựng tính chủ động trong thực hiện dự án và xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm đầu tiên. Hội thảo khởi động sẽ thảo luận một số vấn đề chính, bao gồm:

- Hỗ trợ tất cả đối tác hiểu rõ, đầy đủ nội dung dự án.
- Thảo luận về vai trò, chức năng và trách nhiệm trong cơ cấu tổ chức thực hiện của dự án, bao gồm kênh báo cáo và trao đổi thông tin, cũng như cơ chế giải quyết xung đột.
- Hoàn thiện kế hoạch hoạt động năm đầu tiên. Rà soát, thống nhất các chỉ số, mục tiêu và phương thức kiểm chứng, đồng thời đánh giá lại giả định và rủi ro.
- Xác định yêu cầu báo cáo và giám sát, đánh giá (GS&ĐG). Kế hoạch và ngân sách GS&ĐG sẽ được thống nhất và lập kế hoạch thực hiện.

Trong khi đó, tất cả thông tin liên quan đến Dự án sẽ được công khai để đảm bảo các bên liên quan đến dự án có thể tiếp cận thông tin cần thiết, bao gồm:

- Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia bên liên quan (KHTĐTGBLQ) và báo cáo tóm tắt kết quả tham vấn các bên liên quan
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội kèm theo tài liệu dự án (45 ngày trước khi phê duyệt)
- Dự thảo đánh giá tác động môi trường và xã hội bao gồm dự thảo kế hoạch quản lý (nếu có) (45 ngày trước khi hoàn thiện)
- Đánh giá cuối cùng về tác động môi trường và xã hội cùng các kế hoạch quản lý liên quan
- Báo cáo giám sát môi trường và xã hội theo yêu cầu (nếu có)

Thông tin được công bố kịp thời, ở địa điểm dễ tiếp cận và bằng hình thức cũng như ngôn ngữ dễ hiểu đối với người bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác. Công bố thông tin hiệu quả được thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Công bố kịp thời: thông tin về tác động môi trường và xã hội tiềm ẩn liên quan đến dự án cũng như biện pháp giảm thiểu/quản lý sẽ được tham vấn cộng đồng địa phương thông qua hội thảo với sự tham gia của người dân tộc thiểu số, phụ nữ từ tất cả các khu vực thực hiện dự án trước khi hoàn thiện và triển khai.
- Dễ tiếp cận: Sử dụng phương tiện phổ biến thông tin sau khi tham vấn bên liên quan, phù hợp với điều kiện địa phương, bao gồm đăng tải trên trang web, tổ chức họp công cộng, thành lập hội đồng hoặc tổ chức địa phương, đăng báo và phát hành bản tin phát thanh, tờ rơi hoặc thư trực tiếp.
- Hình thức và ngôn ngữ phù hợp: Thông tin cần được trình bày dưới hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với đối tượng mục tiêu. Tiếng Việt là ngôn ngữ phổ biến và có thể được sử dụng; tuy nhiên, ngôn ngữ dân tộc thiểu số địa phương cũng có thể được sử dụng nếu cần thiết.

Phụ nữ thường hạn chế về thời gian và có khối lượng công việc lớn theo ĐGG/KHHĐG, do đó, hoạt động tham vấn và tập huấn cần được điều chỉnh phù hợp với lịch trình của họ:

- Thời gian và thời lượng: Hoạt động tham vấn và tập huấn cần được tổ chức vào khoảng thời gian mà phụ nữ không phải bận rộn thực hiện công việc sản xuất nông nghiệp hoặc nội trợ, ví dụ như tránh cao điểm của mùa vụ canh tác hoặc sắp xếp họp vào những thời điểm trong ngày khi khối lượng công việc gia đình (ví dụ: nấu cơm, chăm sóc trẻ nhỏ) thấp hơn. Hoạt động đào tạo nên được tổ chức vào thời điểm người dân không phải bận rộn với công việc đồng áng.
- Địa điểm và khả năng tiếp cận: Các hoạt động nên được tổ chức ở địa điểm dễ tiếp cận, tốt nhất là trong cộng đồng hoặc thôn bản, để giảm thời gian và chi phí đi lại. Điều này rất quan trọng với phụ nữ dân tộc thiểu số bởi họ có thể gặp khó khăn trong quá trình di chuyển.
- Tổ chức hoạt động và thúc đẩy với từng nhóm riêng: Trong trường hợp chuẩn mực xã hội hoặc rào cản văn hóa khiến phụ nữ khó tham gia đóng góp ý kiến ở những cuộc họp có cả nam và nữ giới tham gia, dự án đảm bảo tổ chức các buổi tham vấn/gặp gỡ riêng với phụ nữ, do cán bộ dự án, lý tưởng nhất là chuyên gia về giới/xã hội là nữ giới hoặc cộng tác viên từ HLHPN, thúc đẩy thảo luận để đảm bảo phụ nữ cảm thấy thoải mái chia sẻ quan điểm và mối quan ngại của mình.
- Chia sẻ thông tin phù hợp với đặc điểm văn hóa: Do tỷ lệ chưa biết đọc/viết của phụ nữ DTTS còn lớn và rào cản ngôn ngữ, thông tin cần được chia sẻ bằng hình thức và ngôn ngữ phù hợp, bao gồm sử dụng định dạng đơn giản, ngôn ngữ địa phương của dân tộc thiểu số và phương tiện trực quan trong các hoạt động khuyến nông và nâng cao

nhận thức. Tài liệu chia sẻ thông tin cần nhấn mạnh vai trò và tiềm năng đóng góp của phụ nữ.

- Hòa nhập: Tất cả hoạt động lập kế hoạch dự án, hội thảo và tập huấn phải thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ, trong đó mục tiêu tỷ lệ nữ giới tham gia tối thiểu là 40%.

Để giải quyết trực tiếp những rào cản về hậu cần và tài chính liên quan đến tham dự sự kiện tập huấn và tham vấn, Dự án cần xem xét các yếu tố sau:

- Hỗ trợ chăm sóc trẻ nhỏ/công việc nhà: KHHĐG khuyến khích nam giới chia sẻ nhiều hơn công việc nhà để giúp phụ nữ có thêm thời gian tham gia dự án. Dự án nên thực hiện nâng cao nhận thức và tập huấn (ví dụ: thông qua HLHPN) để thúc đẩy nam giới chia sẻ công việc nhà với phụ nữ.
- Hỗ trợ đi lại: Dự án cần giải quyết rào cản kinh tế - xã hội và cung cấp hỗ trợ thiết thực để phụ nữ có thể tham gia tham vấn, tập huấn, đặc biệt là ở các vùng sâu vùng xa nơi đi lại khó khăn hoặc không an toàn.
- Nội dung tập huấn mục tiêu: Tập huấn dành cho phụ nữ phải phù hợp với sở thích và khả năng của họ (ví dụ: tài chính, phát triển kinh doanh, sản phẩm đặc thù như lâm sản ngoài gỗ hoặc nuôi ong). Tập huấn phải tập trung giảm bớt gánh nặng công việc cho phụ nữ thông qua tìm kiếm, thúc đẩy công nghệ tiết kiệm lao động và cơ giới hóa.

Để đảm bảo sự tham gia thực sự có ý nghĩa—tức đảm bảo ý kiến đóng góp của phụ nữ ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động của Dự án—Dự án cần áp dụng các yêu cầu dưới đây về tài liệu hóa:

- Ghi chép có hệ thống: Tất cả biên bản tham vấn, bao gồm biên bản họp tham vấn riêng với phụ nữ, phải thể hiện rõ phản hồi và ý kiến đóng góp của người tham gia là nữ giới. Điều này đảm bảo ghi nhận cụ thể mối quan ngại liên quan đến sinh kế của phụ nữ, quyền sở hữu đất đai và khả năng tiếp cận nguồn lực.
- Lồng ghép vào quá trình lập kế hoạch: Ý kiến đóng góp và ưu tiên cụ thể theo từng giới được thu thập (trong quá trình sàng lọc) sẽ cung cấp thông tin để xây dựng, hoàn thiện Kế hoạch phát triển DTTS, cũng như KHQLMTXH.
- Rà soát và trách nhiệm giải trình: Dự án sẽ thiết lập cơ chế (ví dụ: giám sát xã hội của nhóm ĐBAT) để thường xuyên xem xét mức độ lồng ghép ý kiến của phụ nữ vào quá trình ra quyết định, từ đó thúc đẩy trách nhiệm giải trình trong thực hiện mục tiêu có trách nhiệm giới.

Các hoạt động này phải phù hợp với quy trình tham vấn nhằm tăng cường quyền của người dân tộc thiểu số và các nhóm dễ bị tổn thương như người nghèo, phụ nữ hoặc người khuyết tật, trên cơ sở đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin. Quy trình này do chuyên gia thiết kế và được tham vấn với cộng đồng địa phương cũng như tổ chức liên quan trước khi hoàn thiện.

4. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Cơ chế giải quyết khiếu nại của dự án này phù hợp với các cơ chế hiện hành của Chính phủ Việt Nam cũng như biện pháp ĐBAT trong nước và quốc tế. Nội dung cụ thể đã được xem xét và thảo luận trong ĐGMTXH. BQLDA trung ương sẽ xây dựng hướng dẫn chi tiết về cơ chế giải quyết khiếu nại áp dụng trong dự án.

Cơ chế giải quyết khiếu nại trước hết phải đưa ra hướng dẫn chi tiết để người dân có thể khiếu nại về các vấn đề khác nhau như ranh giới đất đai, quyền tiếp cận LSNG, chi trả cho dịch vụ cung cấp, v.v. Cơ chế này bao gồm hướng dẫn giải quyết khiếu nại có thể phát sinh trong các giai đoạn ĐGTĐMT, quy hoạch sử dụng đất hoặc thiết kế dự án. Dự án sẽ đảm bảo sự tham gia đầy đủ của cộng đồng địa phương và tham vấn toàn diện trong các giai đoạn này để giải quyết khiếu nại kịp thời, nếu có. Người dân có thể chia sẻ mối quan ngại hoặc khiếu nại trực tiếp hoặc bằng văn bản. Dù được thực hiện dưới hình thức nào, mỗi khiếu nại phải có hồ sơ bằng văn bản, trong đó mô tả chi tiết cách thức giải quyết khiếu nại đó.

Cơ chế giải quyết khiếu nại được xây dựng phù hợp với Luật Khiếu nại năm 2011 và và Luật Tố cáo sửa đổi năm 2018. Đây là khung pháp lý để giải quyết khiếu nại nhanh chóng, công bằng, hiệu quả và dễ tiếp cận cho các bên liên quan. Tuy nhiên, với đối tượng dễ bị tổn thương, thường khó tiếp cận hệ thống pháp luật chính thức, Dự án cần cung cấp hỗ trợ cần thiết để họ được đối xử công bằng và được giải quyết khiếu nại kịp thời. Cơ chế giải quyết khiếu nại có thể được điều chỉnh nếu cần thiết, tùy thuộc vào tình hình thực tế của dự án. Cơ chế này phải được chia sẻ đến cộng đồng địa phương và các bên liên quan để họ hiểu rõ quyền khiếu nại/tố cáo các vấn đề về môi trường và xã hội lên chính quyền địa phương.

Cơ chế giải quyết khiếu nại bao hàm cả yếu tố giới và độ tuổi, đáp ứng nhu cầu và tháo gỡ rào cản trong tiếp cận dịch vụ đối với người dân tộc thiểu số, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật, thanh niên và các nhóm dễ bị tổn thương khác trong Dự án. Cơ chế giải quyết khiếu nại không cản trở quyền tiếp cận hệ thống tư pháp và dễ tiếp cận với tất cả các bên liên quan. Thông tin về cơ chế giải quyết khiếu nại và cách thức khiếu nại phải được chia sẻ trong quá trình tham vấn bên liên quan và được công khai ở địa điểm phù hợp.

Bộ NN&MT sẽ phối hợp với các bên liên quan để cập nhật, giám sát thực hiện cơ chế giải quyết khiếu nại trong dự án này.

Cơ chế giải quyết khiếu nại được trình bày trong Khung QLMTXH khuyến khích giải quyết vấn đề phát sinh một cách thỏa đáng cho các bên liên quan. Cơ chế này được thiết kế nhằm mục đích:

- Xây dựng quy trình chính thức để đảm bảo mối quan ngại của các bên liên quan sẽ được đánh giá kịp thời, công bằng và minh bạch;

- Cung cấp hỗ trợ phù hợp để các bên liên quan có thể báo cáo mỗi quan ngại của mình;
- Xác định bước thực hiện trong từng giai đoạn của cơ chế giải quyết khiếu nại; và
- Đảm bảo đối xử công bằng với tất cả cá nhân, tổ chức thông qua cách tiếp cận nhất quán, chính thống, công bằng, dựa trên thông tin đầy đủ và tôn trọng tất cả mỗi quan ngại/khiếu nại.

Cơ chế giải quyết khiếu nại phù hợp với hệ thống giải quyết khiếu nại hiện nay tại Việt Nam, bắt đầu từ cấp xã (UBND xã), sau đó là cấp tỉnh (UBND tỉnh) và Tòa án. Khiếu nại liên quan đến Dự án sẽ được xử lý trước tiên thông qua đối thoại nhằm khuyến khích các bên đồng thuận. Khiếu nại sẽ được xử lý ở hai bước trước khi được đưa ra tòa án xem xét. Người dân không phải thanh toán chi phí khi thực hiện khiếu nại. Ba cấp độ giải quyết khiếu nại bao gồm:

- **Cấp độ thứ nhất** - Tại UBND xã, người dân có thể trình bày khiếu nại của mình với cán bộ UBND xã, trực tiếp hoặc bằng văn bản. Cán bộ UBND xã có trách nhiệm báo cáo khiếu nại cho lãnh đạo UBND xã. UBND xã sẽ gặp trực tiếp người khiếu nại và tiến hành giải quyết trong vòng 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận khiếu nại. Văn phòng UBND xã chịu trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ tất cả khiếu nại đang chờ giải quyết tại UBND xã.
- **Cấp độ thứ hai** - Tại UBND tỉnh, nếu không được UBND xã giải quyết khiếu nại hoặc không thỏa mãn với quyết định giải quyết của UBND xã, người khiếu nại có thể gửi khiếu nại, trực tiếp hoặc bằng văn bản, lên UBND tỉnh. UBND tỉnh tiến hành giải quyết thỏa đáng khiếu nại trong vòng 45 ngày kể từ ngày tiếp nhận. UBND tỉnh chịu trách nhiệm lập và lưu hồ sơ tất cả khiếu nại được giải quyết theo thẩm quyền.
- **Giai đoạn cuối cùng** - Tòa án. Nếu không được UBND tỉnh giải quyết khiếu nại trong vòng 45 ngày kể từ ngày khiếu nại hoặc không thỏa mãn với quyết định giải quyết của UBND tỉnh, người khiếu nại có thể gửi khiếu nại lên tòa án. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng mà các bên liên quan phải tuân thủ. Trong dự án này, phán quyết pháp lý có thể viện dẫn Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Đa dạng sinh học năm 2008, Luật Đất đai năm 2013, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 hoặc Luật Lâm nghiệp năm 2017.

Song song với quy định pháp lý hiện nay, Dự án sẽ xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại ở cấp độ dự án (không thay thế cơ chế giải quyết khiếu nại theo quy định của luật). Dự án sẽ có cán bộ chuyên trách về ĐBAT và giới tại BQLDA trung ương. Tại BQLDA cấp tỉnh, Dự án sẽ có cán bộ chuyên trách về ĐBAT và giới. Đây sẽ là đầu mối tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của dự án. Đầu mối cơ chế giải quyết khiếu nại sẽ chịu trách nhiệm tiếp nhận tất cả khiếu nại và theo dõi quá trình xử lý khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền. Cán bộ phụ trách sẽ cập

nhật cơ sở dữ liệu về khiếu nại nhận được liên quan đến dự án, bao gồm các thông tin sau: bản chất của khiếu nại, nguồn và ngày tiếp nhận khiếu nại, họ tên, giới tính, dân tộc và địa chỉ của người khiếu nại, hành động thực hiện và cập nhật tiến độ giải quyết. Tất cả hồ sơ bằng văn bản phải được bảo mật để đảm bảo quyền riêng tư cá nhân. BQLDA các cấp phải phối hợp với các bên liên quan để cung cấp hỗ trợ cần thiết cho cá nhân/tổ chức để họ có thể kịp thời gửi khiếu nại/phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền mà không bị yêu cầu chi trả chi phí, phù hợp với quy định hiện hành. BQLDA các cấp phối hợp với UBND tỉnh, Sở NN&MT, BQLR và công ty lâm nghiệp tổ chức tập huấn để giới thiệu quy trình giải quyết khiếu nại cho các bên liên quan, bao gồm cộng đồng địa phương. Tất cả chi phí liên quan đến quá trình xử lý khiếu nại, bao gồm giải quyết khiếu nại, đều được dự án chi trả.

Cụ thể:

- Cơ chế giải quyết khiếu nại của dự án sẽ được chia sẻ rộng rãi (ví dụ: trang web của Ban quản lý dự án, bảng thông báo tại Ủy ban nhân dân xã...) và Dự án sẽ chuẩn bị tài liệu in (tờ rơi) để chia sẻ thông tin đến toàn thể cộng đồng và bên quan tâm trong khu vực dự án. Thông tin liên hệ của Ban quản lý dự án cũng được đưa vào cơ chế giải quyết khiếu nại và tờ rơi thông tin.
- Khiếu nại có thể được trình bày trực tiếp⁴ hoặc bằng văn bản thông qua nhiều kênh khác nhau, bao gồm báo cáo trực tiếp, chuyển phát nhanh, thư tín, email và điện thoại, hoặc thông qua người đại diện ủy quyền. Khiếu nại trực tiếp là hình thức phù hợp với người khiếu nại không thể viết đơn khiếu nại (người cao tuổi, người khuyết tật...). Họ sẽ được cán bộ UBND xã và UBND tỉnh hỗ trợ khi khiếu nại trực tiếp.
- Người khiếu nại có thể ủy quyền khiếu nại cho người đại diện. Người khiếu nại có thể nhờ người thân hoặc người mà họ tin tưởng ghi lại khiếu nại và thay mặt họ trình bày hoặc nộp đơn khiếu nại.
- Dự án tiếp nhận khiếu nại ẩn danh qua tất cả các kênh. Khiếu nại ẩn danh sẽ được lưu trữ và xử lý nếu cung cấp đủ thông tin để phục vụ công tác điều tra.
- Khiếu nại sẽ được bên tiếp nhận khiếu nại ghi lại vào hồ sơ. Cơ quan phụ trách có trách nhiệm theo dõi tiến trình giải quyết khiếu nại. BQLDA cấp tỉnh sẽ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu khiếu nại (thông qua đầu mối giải quyết khiếu nại của BQLDA cấp tỉnh).

⁴ Nếu thực hiện khiếu nại trực tiếp tại điểm giao dịch một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, huyện hoặc tỉnh, người tiếp nhận khiếu nại tại điểm giao dịch sẽ hướng dẫn người khiếu nại điền thông tin vào đơn khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại đến khiếu nại trực tiếp thì người tiếp nhận khiếu nại hướng dẫn người khiếu nại viết đơn khiếu nại hoặc người tiếp nhận ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản và yêu cầu người khiếu nại ký hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản (Điều 8, Luật Khiếu nại năm 2011).

- Thời hạn giải quyết khiếu nại được quy định theo từng bước/cấp. Tất cả khiếu nại được tiếp nhận, xác nhận trong vòng 10 ngày làm việc và người khiếu nại được phản hồi trong vòng (i) không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý ở cấp cơ sở (không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp hoặc với vùng sâu vùng xa); (ii) 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý tại cấp tỉnh (60 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp hoặc với vùng sâu vùng xa); (iii) 04 tháng kể từ ngày thụ lý đối với tòa án nhân dân.
- Quyết định giải quyết khiếu nại sẽ được ban hành bằng văn bản và gửi cho người khiếu nại và bên liên quan trong vòng 3 ngày làm việc (đối với cấp cơ sở) và 7 ngày làm việc (đối với cấp tỉnh) kể từ ngày ban hành quyết định. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng mà cả bị đơn và người khiếu nại đều phải thực hiện.
- Bên bị ảnh hưởng không phải chịu bất kỳ chi phí nào liên quan đến toàn bộ quy trình giải quyết khiếu nại. Chi phí liên quan đến khiếu nại phát sinh do tác động của dự án sẽ do dự án chi trả.
- Quyết định giải quyết khiếu nại sẽ được công bố và thông tin định danh của người khiếu nại sẽ được lược bỏ để bảo vệ danh tính.

5. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ , BÁO CÁO VÀ NGÂN SÁCH

Giám sát và đánh giá

Dự án sẽ thiết lập một hệ thống giám sát và đánh giá (M&E), nhằm theo dõi các chỉ số chính về hiệu quả hoạt động của dự án và việc tuân thủ các quy định của GCF, JICA và các biện pháp an toàn môi trường, xã hội và quản trị (chính sách, luật và quy định) của quốc gia.

Dự án sẽ báo cáo dữ liệu cho Hệ thống Thông tin Đảm bảo An toàn Quốc gia (HTTTĐBATQG) về REDD+ liên quan đến việc tuân thủ “các biện pháp đảm bảo an toàn Cancun” của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) đối với REDD+, đặc biệt là biện pháp bảo vệ Cancun thứ tư: *Sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, đặc biệt là người bản địa/dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương*.

Tất cả dữ liệu về sự tham gia của các bên liên quan sẽ được phân tích theo giới tính và sắc tộc, cũng như bất kỳ đặc điểm xã hội liên quan nào khác.

Bên cạnh dữ liệu định lượng về các chỉ số dự án, bao gồm đánh giá nhận thức và sự hài lòng của các bên liên quan, dự án cũng sẽ tìm cách kết hợp các phương pháp định tính để đánh giá hiệu quả của sự tham gia. Các phương pháp này có thể bao gồm việc chuẩn bị các nghiên cứu điển hình và bài học kinh nghiệm từ các hoạt động dự án với các nhóm bên liên quan khác nhau.

Báo cáo

Thông tin về sự tham gia của các bên liên quan này sẽ được báo cáo cho Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) thông qua Báo cáo Hiệu quả Hàng năm (APR) khi cần thiết. JICA và Chính phủ Việt Nam sẽ nhận báo cáo sáu tháng, tiến hành đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ, và chuẩn bị báo cáo dự án cuối cùng.

Ngân sách

Các hoạt động thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, tuân thủ các chính sách về đảm bảo an toàn và bình đẳng giới, đều được tích hợp vào các hoạt động khác của dự án và đã được đưa vào ngân sách dự án.

Bảng 5 bên dưới trình bày tóm tắt dự toán ngân sách cho các hoạt động đảm bảo an toàn và quản lý giới ở cấp thôn bản. Các công việc khác về sự tham gia của các bên liên quan, đảm bảo an toàn và các vấn đề giới sẽ được thực hiện ở cấp quốc gia và với nhiều đối tác phát triển khác nhau.

Cần hiểu rằng việc thu hút sự tham gia của các bên liên quan ở cấp thôn bản (chủ yếu là các hoạt động của Kết quả 2 và 3) sẽ bao gồm làm việc với cả người dân tộc thiểu số và cả nam giới và nữ giới. Một số hoạt động sẽ được thực hiện cùng nhau (với tất cả người dân trong thôn bản), trong khi những hoạt động khác sẽ được thực hiện riêng biệt (với các nhóm bên liên quan khác nhau). Việc thu

hút sự tham gia sẽ mang tính địa phương cao, nhằm đáp ứng các vấn đề ưu tiên trong khu vực.

Phần lớn ngân sách dự án sẽ dành cho các hoạt động thuộc Kết quả 2 và 3, được thực hiện tại hiện trường, với sự hợp tác chặt chẽ với người dân địa phương. Các hoạt động này bao gồm như: tiến hành tham vấn, phân định ranh giới thôn bản, quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia của cộng đồng, quản lý rừng và các thỏa thuận, thúc đẩy nông nghiệp không gây mất rừng và nông lâm kết hợp tại các điểm nóng về mất rừng và suy thoái rừng hoặc các nhu cầu khác, và đảm bảo FPIC (sự đồng thuận).

Do chưa biết rõ thành phần dân tộc của các thôn bản dự kiến tham gia dự án, nên khó có thể ước tính tỷ lệ ngân sách dành cho Kế hoạch thúc đẩy sự tham gia của bên liên quan (KHTĐTGBLQ) sẽ được phân bổ cho các nhóm người dân tộc thiểu số. Dự án sẽ đảm bảo rằng các nhóm làm việc tại hiện trường bao gồm các thành viên có thể nói được ngôn ngữ địa phương. Các nhóm dân tộc có thể khác nhau về các ưu tiên trong việc giải quyết các vấn đề về đất đai và rừng cũng như sở thích của họ đối với các hoạt động sinh kế thay thế. Quá trình sàng lọc để hiểu rõ thông tin thông qua chuyến thăm thực địa và tham vấn nên được tiến hành trước khi bất kỳ hoạt động sinh kế nào được triển khai.

Ngân sách sẽ hỗ trợ một cách cân xứng cho các hoạt động và sự tham gia của phụ nữ cũng như nam giới. Dự án sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội liên hiệp Phụ nữ (HLHPN) và Bộ Dân tộc và Tôn giáo (trước đây là Ủy ban Dân tộc – UBNDT) ở cả cấp trung ương và cấp tỉnh.

Bảng 5. Dự toán kinh phí thực hiện đảm bảo an toàn (bao gồm các vấn đề giới trong tham vấn bên liên quan tại cấp thôn bản)

Hạng mục	Chi phí
Hỗ trợ kỹ thuật (chuyên gia tư vấn quốc tế và trong nước trên 6 năm kinh nghiệm) (Chuyên gia về giới và ĐBAT thuộc BQLDA trung ương)	
- Cố vấn quốc tế về ĐBAT và giới	198.000 USD
- Chuyên gia về ĐBAT	216.000 USD
- Chuyên gia về giới (ĐBAT xã hội và người DTTS)	216.000 USD
- Cán bộ ĐBAT và giới cấp tỉnh tại 6 tỉnh	432.000 USD
Hệ thống SIS	100.000 USD
Tư vấn GS&ĐG (4 tháng/năm)	72.000 USD
Giám sát thực hiện Khung QLMTXH của bên thứ ba (dự kiến 2 lần trong 6 năm)	140.000 USD
Hội thảo tham vấn bên liên quan và các nhóm DTTS	100.000 USD
Kinh phí thực hiện cơ chế giải quyết khiếu nại	100.000 USD
Tập huấn về ĐBAT, bao gồm hội thảo tập huấn, giới thiệu yêu cầu về Khung QLMTXH, ĐBAT (giới, DTTS, FPIC, KHQLMTXH, BLLDQRD) và giám sát tại sáu tỉnh (lập đi lập lại trong 6 năm)	100.000 USD

Hạng mục	Chi phí
Nghiên cứu, tài liệu hướng dẫn, báo cáo khác về ĐBAT (giới, DTTS, giải quyết khiếu nại, FPIC, KHQLMTXH, Kế hoạch phát triển DTTS)	250.000 USD
Dự phòng	200.000 USD
Tổng dự toán kinh phí thực hiện đảm bảo an toàn (bao gồm các vấn đề giới trong tham vấn bên liên quan tại cấp thôn bản)	2.224.000 USD

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: BIÊN BẢN CÁC HỘI THẢO THAM VẤN VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN

I. Bối cảnh

Tại cuộc họp lần thứ 18, Hội đồng Quỹ GCF đã công bố chương trình thí điểm chi trả dựa trên kết quả REDD+ tại Quyết định GCF/B.18/23 ngày 2/11/2017. Trên cơ sở đó, Việt Nam đã tiến hành xây dựng đề xuất chi trả để trình lên GCF. Đi kèm với đề xuất này, GCF yêu cầu Việt Nam nộp một bộ báo cáo liên quan đến các biện pháp ĐBAT để chứng minh mức độ tuân thủ yêu cầu về ĐBAT đối với các chương trình đã thực hiện trước đây (báo cáo ĐGMTXH) cũng như kế hoạch đảm bảo tuân thủ các yêu cầu này khi sử dụng tiền chi trả dựa trên kết quả REDD+ trong thời gian tới (Khung QLMTXH). Ngoài 02 báo cáo này, Việt Nam cũng cần tiến hành Đánh giá giới (ĐGG) và xây dựng Kế hoạch hoạch hành động giới (KHHĐG). Để chuẩn bị các báo cáo này, một nhóm tư vấn đã hỗ trợ tổ chức một số hội thảo tham vấn ở cấp trung ương, vùng và địa phương.

Biên bản này tóm tắt những phát hiện chính từ 2 cuộc hội thảo cấp trung ương tại Hà Nội, 4 cuộc hội thảo cấp vùng và 4 cuộc hội thảo cấp địa phương ở hai vùng khác nhau: Tây Bắc và Đông Bắc.

II. Mục tiêu của hội thảo tham vấn

Để thu thập ý kiến từ người dân và cơ quan quản lý nhằm hoàn thiện Khung QLMTXH, quá trình tham vấn đã được tổ chức với 8 hội thảo tham vấn ở cấp quốc gia (2 hội thảo tại Hà Nội), cấp vùng (2 hội thảo tại mỗi vùng: Tây Bắc và Đông Bắc) và cấp địa phương (01 tại tỉnh Điện Biên, 01 tại tỉnh Phú Thọ, 01 tại tỉnh Lào Cai và 01 tại tỉnh Sơn La). Tổng cộng 441 người tham gia các hội thảo tham vấn này (22,9% là nữ và 20,6% là người dân tộc thiểu số). Họ là đại diện cơ quan quản lý địa phương, bao gồm cơ quan quản lý lâm nghiệp, hội phụ nữ, đơn vị theo dõi các vấn đề dân tộc thiểu số, chủ rừng (chủ rừng là hộ gia đình/cá nhân và BQLR/công ty lâm nghiệp nhà nước). Đối tượng tham vấn được cung cấp thông tin chi tiết về dự án đề xuất, bao gồm thiết kế dự án và thảo luận sâu về tác động môi trường-xã hội tiềm ẩn của dự án. Mỗi hội thảo tham vấn kéo dài khoảng 3,5 giờ, trong đó, 1 giờ để giới thiệu dự án và vấn đề liên quan đến ĐBAT trong khi thời gian còn lại dành cho đại biểu thảo luận, đặt câu hỏi và đóng góp ý kiến.

III. Ý kiến đóng góp chung

Nhận xét, đề xuất chung từ các đại biểu tham gia bao gồm:

- Tất cả ý kiến tham gia đều nhấn mạnh tính cần thiết của dự án đối với quản lý rừng bền vững trong tương lai.
- Xây dựng bản đồ rừng và xác định ranh giới chính xác là yêu cầu rất quan trọng với cơ quan quản lý và cộng đồng địa phương.

- Dự án cần xây dựng hướng dẫn chi tiết và điều chỉnh chính sách liên quan đến quản lý rừng và tiếp cận LSNG (ví dụ: hồ sơ quản lý rừng cộng đồng cần bao gồm danh sách người dân được phép khai thác LSNG).
- Tăng cường quản lý rừng dựa vào cộng đồng thôn bản.
- Cộng đồng địa phương phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên rừng (thiếu đất canh tác; hạn chế tiếp cận nguồn thu nhập phi nông nghiệp; cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện; hoặc do tập quán văn hóa).
- Trong nhiều trường hợp, người dân địa phương không thể tham gia hiệu quả vào công tác bảo vệ rừng (do thiếu nguồn lực, nhân lực và cơ sở vật chất, địa hình phức tạp, biến đổi khí hậu, v.v.).
- Chia sẻ lợi ích từ bảo vệ rừng cho người dân địa phương cần dựa trên đóng góp thực tế.
- Người dân chưa thực sự hiểu rõ vai trò của bảo vệ rừng và đôi khi chỉ tập trung vào lợi ích ngắn hạn.
- Dự án cần thiết lập kênh trao đổi thông tin phù hợp cho từng cộng đồng.
- Tiến hành khảo sát chi tiết thực trạng sử dụng đất và phân bổ/giao đất sản xuất, nếu có thể, đảm bảo người dân có đủ đất canh tác, không bị ảnh hưởng tới an ninh lương thực; hoặc có cơ hội phát triển sinh kế thay thế ở địa điểm khác.

IV. Ý kiến đóng góp cụ thể

Bảng dưới đây tóm tắt các câu hỏi, ý kiến chính tại các hội thảo tham vấn.

Đơn vị	Ý kiến/câu hỏi	Phúc đáp/đề xuất
Hội thảo quốc gia (tại Hà Nội)		
Hiệp hội lâm nghiệp	Cần xác định chi tiết tác động đối với từng tỉnh.	Phụ thuộc vào thiết kế chi tiết của dự án ở giai đoạn tiếp theo.
TN&MT	Dữ liệu về rừng đôi khi không nhất quán.	Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT thống nhất phương án vào tháng 11.
Sở NN&PTNT tỉnh Phú Thọ	Chi phí phục hồi rừng tự nhiên rất cao, vui lòng cung cấp thông tin về kinh phí thực hiện hoạt động này.	Nội dung này sẽ được quyết định, chia sẻ ở giai đoạn tiếp theo khi dự án được phê duyệt.
Viện QLRBV và chứng chỉ rừng	Bảo vệ rừng cộng đồng nên được giao cho từng hộ gia đình.	Cách thức tổ chức thực hiện có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình thực tế ở từng địa phương.
	Dịch bệnh có thể là mối đe dọa tiềm ẩn khi thực hiện canh tác nông nghiệp thích ứng với BĐKH.	Lựa chọn cẩn thận giống cây trồng mới, tận dụng kiến thức địa phương trong kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng.
Hội thảo vùng Tây Bắc (tại tỉnh Điện Biên)		
Sở NN&PTNT tỉnh Điện Biên	Xây dựng bản đồ rừng có thể làm phát sinh tranh chấp giữa chủ rừng và người dân địa phương do vấn đề xâm chiếm sử	Tham vấn đầy đủ đại diện người dân địa phương trong quá trình này, trong đó ưu tiên tham vấn ý

Đơn vị	Ý kiến/câu hỏi	Phúc đáp/đề xuất
	dụng và ranh giới không rõ ràng đã tồn tại trong thời gian dài;	kiến của phụ nữ và người dân tộc thiểu số.
Sở NN&PTNT tỉnh Lai Châu	Tăng cường sự tham gia của người dân địa phương vào công tác bảo vệ rừng có thể dẫn đến hành vi khai thác gỗ trái phép hoặc khai thác quá mức LSNG. Tham vấn cộng đồng mang tính hình thức trong một số trường hợp và tiếng nói của phụ nữ và người dân tộc thiểu số chưa thực sự được lắng nghe.	Tổ chức tập huấn kỹ năng bảo vệ rừng cần thiết; tăng chi trả cho đóng góp của người dân. Tham vấn/tổ chức họp riêng với phụ nữ và người dân tộc thiểu số;
Hội thảo vùng Tây Bắc (tại tỉnh Sơn La)		
Sở NN&PTNT tỉnh Sơn La	Tình trạng di cư có thể gia tăng khi tất cả người trẻ chuyển đến làm việc tại khu đô thị hoặc khu công nghiệp. Chỉ có người già yếu ở lại thôn, ảnh hưởng đến việc thực hiện quản lý dựa vào cộng đồng.	Hỗ trợ người dân địa phương tăng thu nhập phi nông nghiệp để tăng số lượng dân số có thể duy trì sinh kế mà không cần phải di cư.
CCKL Lai Châu	Ranh giới rừng không rõ ràng, trong khi lực lượng kiểm lâm chưa có đủ trang thiết bị cần thiết.	Điều tra rừng và xác định ranh giới cụ thể có ý nghĩa rất quan trọng; cần hỗ trợ tăng cường nhân lực cho lực lượng kiểm lâm địa phương.
Hội thảo cấp địa phương (tại Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên)		
Xã Mường Nhà	Bảo vệ rừng nên do hộ gia đình thực hiện; Ban hành hướng dẫn xử phạt đối với từng loại rừng.	Cần thảo luận giữa chủ rừng, chính quyền và người dân địa phương. Chính quyền tỉnh chịu trách nhiệm về nội dung này.
Xã Sam Mứn	Một số tập quán văn hóa truyền thống, chẳng hạn như xây nhà, nấu ăn hoặc canh tác, có thể dẫn đến nạn khai thác gỗ trái phép.	Lập bản đồ và xây dựng kế hoạch quản lý rừng cần tính đến yếu tố văn hóa địa phương; ví dụ, cần đảm bảo đủ diện tích đất rừng sản xuất; triển khai giải pháp nấu ăn mới để giảm tiêu thụ củi.
Xã Thanh An	Bản đồ rừng vệ tinh không phản ánh chính xác tình hình thực tế, dẫn đến tranh chấp giữa chủ rừng và người dân địa phương.	Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, cần phải tiến hành điều tra lại với sự tham gia của tất cả các bên liên quan.
Xã Phu Luông	Quy trình chi trả DVMTR phức tạp, có thể làm giảm mức độ tham gia của người dân địa phương.	Chính quyền, người dân địa phương, chủ rừng và chính quyền cấp tỉnh cần tổ chức họp rà soát lại các chính sách hiện hành.
Xã Mường Pồn	Cơ sở hạ tầng còn chưa phát triển, ảnh hưởng đến quá trình phát triển cây trồng thương mại; khí hậu khắc nghiệt là thách thức đối với nông nghiệp thông minh.	Hỗ trợ phát triển sinh kế cần phù hợp với từng thôn bản hoặc xã cụ thể, đặc biệt là điều kiện địa phương.

Đơn vị	Ý kiến/câu hỏi	Phúc đáp/đề xuất
Hội thảo vùng Đông Bắc (tại tỉnh Phú Thọ)		
Sở NN&PTNT tỉnh Lào Cai	Người dân còn nghèo và phụ thuộc vào rừng, do đó phát triển rừng gỗ lớn hoặc kéo dài chu kỳ khai thác rừng sản xuất sẽ gặp nhiều khó khăn. Mức độ tham gia của chính quyền xã vào công tác bảo vệ rừng còn yếu.	Cung cấp khoản vay, tập huấn kỹ năng cho người dân địa phương để tìm kiếm nguồn thu nhập thay thế; ưu tiên người sống gần rừng và phụ thuộc lớn vào rừng. Chính quyền tỉnh cần ban hành quy định và xác định vai trò của cấp xã trong công tác bảo vệ rừng.
Sở NN&PTNT tỉnh Yên Bái	Quá trình phát triển các loại cây trồng thương mại như quế là mối đe dọa lớn đối với sự phát triển của rừng.	Hạn chế phát triển cây trồng thương mại bằng cách áp dụng định mức tỷ lệ nhất định cho mỗi huyện/xã.
Sở NN&PTNT tỉnh Phú Thọ	Nghèo đói là nguyên nhân chính dẫn đến mất rừng; người dân phải khai thác gỗ và canh tác trái phép để mưu sinh.	Hỗ trợ phát triển sinh kế thay thế có ý nghĩa vô cùng quan trọng.
Sở NN&PTNT tỉnh Cao Bằng	Phát triển rừng gỗ lớn gặp nhiều khó khăn vì cần nguồn vốn đầu tư lớn và chỉ được thực hiện trên diện tích đất trống theo chính sách hiện hành.	Sau khi dự án được phê duyệt, sẽ tổ chức thảo luận với chính quyền tỉnh Cao Bằng.
Hội thảo cấp địa phương (tại Huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ)		
Hiệp hội xúc tiến nông nghiệp	Ranh giới rừng ở một số nơi chưa rõ ràng, và đây là rào cản quản lý rừng bền vững.	Cần phải lập bản đồ rừng với sự tham gia của tất cả các bên liên quan.
Xã Yên Sơn	Tình trạng rừng bị lấn chiếm vẫn còn xảy ra ở một số nơi. Tăng cường bảo vệ rừng yêu cầu bổ sung thêm ngân sách cho các bên liên quan.	Lập bản đồ rừng để xác định ranh giới rõ ràng; huy động sự tham gia của hệ thống giám sát dựa vào cộng đồng.
Xã Văn Miếu	Thiếu kinh phí là rào cản thực hiện kéo dài chu kỳ rừng trồng.	Hỗ trợ tăng thu nhập có ý nghĩa rất quan trọng; đào tạo kỹ năng nghề nên là một phương án thay thế.
Xã Khả Cừu	Rừng phòng hộ được giao quản lý cho cộng đồng địa phương mà không có quyết định pháp lý, khiến người dân cảm thấy họ không phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý.	Cần cấp giấy xác nhận vai trò chủ rừng.
HKL Thanh Sơn	Rừng có độ đa dạng sinh học thấp do chủ yếu là cây bụi.	Cần tiến hành trồng các loài cây bản địa. Cần hỗ trợ người dân địa phương trồng các loài cây khác nhau trên những diện tích này.

PHỤ LỤC 2. KẾT QUẢ THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN HỘI THẢO VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

I. HỘI THẢO THAM VẤN CẤP TRUNG ƯƠNG

1.1. Thông tin chung

Tiêu đề:	Hội thảo tham vấn cấp trung ương về chi trả dựa trên kết quả REDD+ của GCF
Ngày :	Ngày 14 tháng 6 năm 2022
Địa điểm :	Hà Nội
Người tham gia :	61 những người bao gồm : Nữ: 20 ; Nam: 41 người Người Kinh: 51; Người Nhật: 9; Đại biểu quốc tế khác: 1 BNN&PTNT: 20 ; các bộ khác: 2; các tỉnh: 6; các tổ chức phi chính phủ và tổ chức quốc tế: 10; JICA: 5; JICA/SNRM2: 7

1.2. Kết quả tham vấn

STT	Nội dung
1	Ông Nguyễn Hữu Dũng từ Dự án Chương trình SLM-UNREDD Dự án đề xuất phù hợp với các chính sách và chiến lược hiện hành của Việt Nam về bảo vệ môi trường và cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu. Cụ thể, Quyết định số 419 về Chương trình REDD+ quy định giai đoạn 2017-2020, còn giai đoạn 2020-2030 vẫn chưa được xác định. Việc chuyển đổi rừng không chỉ nên đề cập đến cây cao su, mà còn cần tập trung vào các loại hình sử dụng đất khác như trồng mắc ca hoặc các loại cây trồng khác. Kế hoạch chia sẻ lợi ích cần được xác định rõ ràng để phù hợp với bối cảnh quốc tế và Việt Nam.
2	Ông Hoàn đến từ PanNature Hiện nay, một số tỉnh thành đã bày tỏ sự quan tâm tham gia vào thị trường carbon tự nguyện, ví dụ như tỉnh Quảng Nam . Dự án này cần cập nhật thêm một số chính sách mới của chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .
3	Ông Nguyễn Việt Hưng từ Ban Quản lý Dự án Lâm nghiệp Dự án FCPF2 đã tuân thủ các yêu cầu quốc tế. Dự án này cũng cần đáp ứng các yêu cầu của GCF. Tuy nhiên, một số hoạt động cần được thiết kế lại khi GCF phê duyệt đề xuất tài trợ. Các hoạt động cần phải phù hợp với việc sửa đổi Nghị định số 156. Dòng tiền cần được áp dụng theo phương thức thanh toán PFES hiện hành, dựa trên kinh nghiệm và phương thức hoạt động trong mười năm qua.
4	Bà Phạm Thanh Hằng, Vụ Thanh tra và Pháp chế, VNFOREST

STT	Nội dung
	Phương thức thanh toán dựa trên kết quả là gì? Tài sản cần được trả lại cho chủ sở hữu rừng. Về dịch vụ lưu trữ carbon, Mục 3, Điều 6 của Luật Lâm nghiệp đã đề cập đến vấn đề này. Chúng tôi sẽ sửa đổi Nghị định 156 cho phù hợp với PFES. Cần phải có các chính sách và biện pháp để quản lý tài sản và cách thức thực hiện thanh toán.
5	Bà Nguyễn Thị Hiền, CERDA Hiện tại, chủ sở hữu của 3 triệu ha rừng, trong đó 2 triệu ha là rừng tự nhiên, vẫn chưa được xác định. Dự án cần có các biện pháp để giao lại diện tích rừng tự nhiên . Tác động môi trường: cần tập trung vào quản lý thuốc diệt cỏ, vì chúng có tác động môi trường lớn hơn thuốc trừ sâu --> phải có chính sách quản lý nghiêm ngặt và triệt để. Ví dụ, người ở xã của tỉnh Lạng Sơn đã nhận thuốc diệt cỏ từ Trung Quốc . Hiểu biết về người dân tộc thiểu số: nếu người dân hiểu luật, họ sẽ tuân thủ rất tốt. Cần nhấn mạnh sự tham gia đầy đủ và hiệu quả. Kiến thức bản địa: cần được bổ sung, vì người dân có kinh nghiệm trong quản lý và bảo vệ rừng. Cần phải làm rõ ai là người sống phụ thuộc vào rừng và sống gần rừng: cần phải phổ biến thông tin và kiến thức cho họ. Cần có cách tiếp cận thận trọng. Cần tiếp cận nhiều tầng lớp, không chỉ tầng lớp lãnh đạo hoặc trưởng thôn. Cần sử dụng các công cụ hợp tác xã. Việc thành lập các hợp tác xã theo quy định mới, sự tham gia của người dân tộc thiểu số sẽ rất bền vững. Nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu: nên sử dụng nông nghiệp hữu cơ, phương pháp này khả thi hơn.

2. HỘI THẢO THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN CẤP KHU VỰC (TÂY BẮC)

2.1. Thông tin chung

Tiêu đề:	Hội thảo tham vấn các bên liên quan cho khu vực Tây Bắc
Ngày:	Ngày 1 tháng 6 năm 2022
Địa điểm:	Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Số người tham gia:	36 người bao gồm: Nữ 9 ; Nam 27 Người Kinh: 31 ; Người Thái : 3; Người H'mong: 1 BNN & PTNT: 2; tỉnh: 1 7; huyện: 1 2 ; JICA / SNRM 2: 5

2.2. Kết quả tham vấn

STT	Nội dung
1	Nhóm 1: Các vấn đề môi trường QLRCD (quản lý rừng cộng đồng) → mất rừng → quy định về bảo vệ rừng. Tăng cường trữ lượng carbon → tận dụng việc khai thác rừng → phát triển các biện pháp hỗ trợ phù hợp. Làm giàu rừng → mất rừng → giám sát và tạo sinh kế cho người dân địa phương. Phục hồi rừng → cháy rừng, gây ra chất thải, ô nhiễm (sử dụng hóa chất) và mất rừng: → hỗ trợ kỹ thuật, lập kế hoạch phù hợp, kiểm soát cháy rừng.
2	Nhóm 2 Các vấn đề xã hội Phân định ranh giới rừng → xung đột sử dụng đất → nâng cao nhận thức, hỗ trợ chính sách; phân định ranh giới có sự tham gia của cộng đồng tại hiện trường . Quản lý hợp tác rừng → xung đột lợi ích (chi trả tiền PFES) →, minh bạch; gặp gỡ nhiều hơn với người dân địa phương . Tăng cường trữ lượng carbon; → thiếu đất →; ảnh hưởng đến sinh kế; → đa dạng hóa sinh kế; đào tạo nghề. Phục hồi rừng → có sự tham gia không công bằng giữa các nhóm khác nhau trong hoạt động bảo vệ rừng; mất động lực tham gia của người dân do không cho phép khai thác, cháy rừng, tạo ra chất thải, gây ô nhiễm (sử dụng hóa chất) và mất rừng → chính sách hỗ trợ phục hồi rừng, tăng cường sự hợp tác giữa các nhóm khác nhau.
3	Nhóm 3 Các vấn đề xã hội Hợp phần 1: Vận động và phổ biến pháp luật. Trồng lại rừng để bồi hoàn cho diện tích bị chuyển đổi. Sửa đổi luật lâm nghiệp không phù hợp. Thành lập đội quản lý bảo vệ rừng cấp thôn bản. Thực hiện tốt hơn các quy định phối hợp. Thúc đẩy sự tham gia của các già làng, trưởng bản và những người có uy tín. Hợp phần 3:

STT	Nội dung
	Thúc đẩy nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu, giải quyết tình trạng thiếu vốn, thiếu kiến thức, khoa học và công nghệ, cần có các chính sách hỗ trợ vốn; mở các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức và kỹ năng. Đa dạng hóa sinh kế: Mô hình sinh kế hiện tại không phù hợp với địa phương Định hướng cho người dân phát triển sinh kế phù hợp với trình độ phong tục, tập quán và thế mạnh của địa phương.

3. HỘI THẢO THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN CẤP ĐỊA PHƯƠNG (TÂY BẮC)

3.1. Thông tin chung

Tiêu đề:	Hội thảo tham vấn các bên liên quan ở cấp địa phương tại một trong các tỉnh ở vùng Tây Bắc.
Ngày:	Ngày 2 tháng 6 năm 2022
Địa điểm:	Thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La
Số người tham gia:	40 những người bao gồm: Nữ: 10; Nam: 30 Người Thái: 17; người Mông: 8; Người Kinh: 15 , Người Nhật: 01 BNN & PTNT: 2; tỉnh: 1; huyện: 13; xã: 20; JICA-SNRM: 4

3.2. Kết quả tham vấn

STT	Nội dung
1	Kết quả chính của Nhóm 1: Vấn đề môi trường Bảo vệ rừng: việc phát triển cơ sở hạ tầng có thể dẫn đến mất rừng. Trồng rừng gỗ lớn: chuyển đổi rừng tự nhiên. Phục hồi rừng: giám đa dạng sinh học → phát triển cây bản địa
2	Kết quả chính của Nhóm 2: Vấn đề xã hội Ranh giới rõ ràng: có thể xảy ra tranh chấp giữa các chủ sở hữu rừng → xác định ranh giới tại hiện trường. Thúc đẩy quản lý hợp tác: thành lập đội quản lý bảo vệ rừng. QLRCD: tốn thời gian và chi phí vận hành thấp, thêm kinh phí cho các đội bảo vệ và quản lý rừng cũng như các cuộc họp thôn bản. Việc tăng cường trữ lượng carbon → cần thời gian và chi phí, và cần có các chính sách hỗ trợ ngay từ đầu. Việc phục hồi rừng tự nhiên → rất tốn kém, đòi hỏi kỹ năng kỹ thuật cao, cần đào tạo và phân bổ kinh phí.
3	Kết quả chính của Nhóm 3: Vấn đề xã hội Nông nghiệp nông thôn → cần đầu tư vốn lớn nhưng ứng dụng khoa học và công nghệ còn hạn chế; thị trường tiêu dùng khó khăn → cần tăng cường liên kết để thu hút nhà đầu tư; tăng cường đào tạo và chuyển giao công nghệ; phát triển chuỗi liên kết, tổ chức hội thảo xúc tiến thương mại; tăng cường năng lực lãnh đạo; đa dạng hóa sản phẩm.

4. HỘI THẢO THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN CẤP KHU VỰC (ĐÔNG BẮC)

4.1. Thông tin chung

Tiêu đề:	Hội thảo tham vấn các bên liên quan khu vực Đông Bắc
Ngày:	Ngày 8 tháng 6 năm 2022
Địa điểm:	Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
Số người tham gia:	36 người, bao gồm: Nữ: 10; Nam: 26 Người Kinh: 35; Người Nhật: 01 BNN & PTNT: 4; tỉnh: 21 ; huyện: 7; JICA /SNRM 2: 4

4.2. Kết quả tham vấn

STT	Nội dung
1	Kết quả chính của Nhóm 1: Vấn đề Môi trường Làm rõ ranh giới: sẽ có rủi ro cao nếu không có sự hỗ trợ. Hợp tác trong quản lý tài nguyên thiên nhiên: rủi ro cao do phân định trách nhiệm và lợi ích chưa rõ ràng . Quản lý rừng cộng đồng (QLRCD): Tại Cao Bằng, mô hình quản lý rừng cộng đồng vẫn chưa tốt, nhưng ở Lào Cai thì khá tốt. Trong quản lý rừng cộng đồng, khi mất rừng thì rất khó để xử lý vì trách nhiệm chung → khó trừng phạt. Công tác quản lý rừng tại Ban Quản lý: khá tốt ở Lào Cai, dự án nên hỗ trợ các tỉnh khác. Chuyển đổi từ rừng trồng cây gỗ nhỏ sang rừng trồng cây gỗ lớn: đây là dự án rủi ro cao do cần mất thời gian hơn 10 năm mới được khai thác – một chu kỳ khá dài → dẫn đến khó khăn về kinh tế → Dự án cần có chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn . Tái sinh tự nhiên: Điều này sẽ tốt cho môi trường, tuy nhiên, nó sẽ gây khó khăn cho những người cần đất canh tác . Làm giàu rừng: Rừng tự nhiên hiện thuộc sở hữu nhà nước, nhưng việc chuyển đổi mục đích sử dụng rất dễ dẫn đến mất rừng, vì vậy hoạt động này không nên được thực hiện. Trồng rừng đặc dụng và phòng hộ: Đa dạng sinh học không đồng nghĩa với rừng tự nhiên. Lào Cai có định mức trồng rừng là 73 triệu đồng/ha rừng tự nhiên nhưng lại không dám trồng: khó vì người dân không muốn tham gia. Nếu rừng phòng hộ không thể tái sinh, chúng ta không nên trồng rừng phòng hộ.
2	Kết quả chính của Nhóm 2: Vấn đề xã hội Bảo vệ rừng tự nhiên hiện có: Hoạt động này sẽ gây ra tình trạng thiếu đất canh tác năng suất cao → dự án cần có các chính sách trợ cấp cho cộng đồng địa phương sống phụ thuộc nhiều vào tài nguyên rừng. Hoạt động của QLRCD có thể làm nảy sinh xung đột về sử dụng đất → dự án nên hỗ trợ cộng đồng trong việc xây dựng các quy định tuân tra và hỗ trợ kỹ thuật. Việc lấn chiếm rừng tự nhiên rất dễ xảy ra .

STT	Nội dung
	Hoạt động này có thể không mang lại lợi ích cho người dân địa phương do tiền khoán bảo vệ rừng thấp. Chuyển đổi sang trồng rừng gỗ lớn: có thể làm giảm thu nhập do đòi hỏi đầu tư dài hạn → có thể có rủi ro lớn hơn như thiên tai, dịch bệnh. Trồng rừng đặc dụng: gây thiếu đất, thu nhập thấp, không kích lệ được. Tỉnh Lào Cai không có chính sách hưởng lợi từ việc trồng rừng tự nhiên (chỉ hưởng lợi khi đầu tư, không hưởng lợi khi bảo vệ rừng) .
3	Kết quả chính của Nhóm 3: Vấn đề xã hội Nông nghiệp nông thôn: đòi hỏi trình độ kiến thức cao, không phù hợp với người dân tộc thiểu số có trình độ dân trí thấp, sản xuất manh mún và quy mô nhỏ; giá cả, thị trường đầu ra, thiên tai, thời tiết cực đoan. Chúng ta cần nâng cao nhận thức của người dân; trước khi sản xuất phải tham khảo thị trường để đảm bảo sản lượng, tăng cường khảo sát. Chúng ta cần sản xuất theo phương pháp gia công sâu.

5. HỘI THẢO THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN CẤP ĐỊA PHƯƠNG (VÙNG ĐÔNG BẮC)

5.1. Thông tin chung

Tiêu đề:	Hội thảo tham vấn các bên liên quan cấp địa phương tại một trong các tỉnh ở vùng Đông Bắc.
Ngày:	Ngày 9 tháng 6 năm 2022
Địa điểm:	Thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai
Số người tham gia:	24 người, bao gồm: Nữ 4; Nam 20 Người Kinh: 15 ; Người H'mông: 4; Người Dao: 2; Người Dáy: 1; Người Nùng: 1 , Người Nhật: 1 Tỉnh: 1; Huyện: 7; Xã: 12; JICA / SNRM 2: 4

5.2. Kết quả tham vấn

STT	Nội dung
1	Kết quả chính của Nhóm 1: Vấn đề Môi trường Tình trạng rừng bị lấn chiếm vẫn còn xảy ra ở một số nơi thuộc huyện Bát Xát . Việc tăng cường bảo vệ rừng sẽ cần thêm ngân sách và sự tham gia của nhiều người hơn. Lập bản đồ rừng với ranh giới rõ ràng; kêu gọi sự tham gia của hệ thống giám sát dựa vào cộng đồng. Làm rõ ranh giới rừng: nếu không được xác định rõ ràng, sẽ phát sinh xung đột → tăng cường quy định lâm nghiệp. Thúc đẩy hợp tác trong quản lý rừng: có 3 chủ sở hữu rừng lớn, Khu bảo tồn thiên nhiên Bát Xát (14.000 ha) và 21 UBNDX → Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các chủ rừng, giữa Chi cục Kiểm lâm và các chủ rừng. QLRCĐ: Bát Xát có một số mô hình QLRCĐ. Cần có sự đồng thuận của cộng đồng, nếu không rừng sẽ bị mất đi. → Chúng ta cần cơ chế để đảm bảo sự bình đẳng và công bằng xã hội giữa các hộ gia đình và cộng đồng → Dự án có thể giúp xây dựng hương ước bảo vệ rừng thôn bản bao gồm các quy định (ví dụ: thu gom củi 2-3 lần/năm, phơi cây...) . Vào mùa xuân có lễ cúng rừng → việc này rất tốt để tuyên truyền cho mọi người về giá trị của rừng. Ngoài ra, dự án cần phát triển sinh kế để hỗ trợ người dân. Quản lý rừng bền vững: nếu không có sự giám sát chặt chẽ của Chi cục Kiểm lâm thì chủ rừng dễ chuyển đổi mục đích sử dụng. Hiện nay, Chi cục Kiểm lâm và Ủy ban nhân dân xã đang theo dõi và báo cáo biến động rừng do thiên tai theo Thông tư 33. Chi cục Kiểm lâm cũng có chức năng xử lý các trường hợp vi phạm của chủ rừng theo Nghị định 35. Sẽ rất tốt nếu dự án tăng cường cơ chế này. Việc trồng các loại cây gỗ lớn có thể được thực hiện ở Bát Xát. Kéo dài chu kỳ khai thác: Chi cục Kiểm lâm đã tuyên truyền tới người dân về chu kỳ khai thác kéo dài hơn để tăng thu nhập.

STT	Nội dung
	Chúng ta nên phát triển các cơ sở chế biến để thu mua gỗ lớn trong khu vực. Tại Bát Xát, diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh (KNXTTX) có thể là 400 ha, trồng rừng: 500.000 cây quế, và có thể phát triển thêm các loại cây thuốc khác: xuyên khung, bạch đậu khấu, sa nhân tím. Chúng ta cần có quy định về sự phối hợp giữa các bộ ngành để tránh xung đột. Ví dụ, việc phát triển thủy điện, xây dựng đường sá có thể gây ra nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa.
	Kết quả chính của Nhóm 2 : Vấn đề xã hội Chuyển từ chu kỳ khai thác ngắn sang chu kỳ khai thác dài: có thể dẫn đến thu nhập thấp và gây khó khăn cho người dân. Người dân có thể không đủ vốn để trồng rừng với chu kỳ khai thác dài hơn. Thời gian 8-10 năm là quá dài, người dân không đủ tiền đầu tư → Hiện nay, có mô hình trồng xen canh cây có chu kỳ khai thác ngắn với cây gỗ lớn. KNXTTX: có thể dẫn đến việc mất đất sản xuất. Vì đất canh tác ở vùng núi có hạn và khó sinh lời, nên cần có khảo sát và nghiên cứu khu vực trước khi phân vùng để canh tác. Làm giàu cho nông dân nghèo: rừng tự nhiên có nhiều cây thuốc (như bạch đậu khấu...). Nếu chúng ta thúc đẩy việc trồng rừng thì sẽ mất đi các loài cây thuốc có trong rừng → cần phải nghiên cứu, khảo sát và trồng các loại cây phù hợp dưới tán rừng. Rừng có lợi ích to lớn trong việc bảo vệ môi trường sống → Đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ du lịch.
	Kết quả chính của Nhóm 3 : Vấn đề xã hội Nông nghiệp nông thôn: đòi hỏi trình độ kiến thức cao, không phù hợp với người dân tộc thiểu số có trình độ dân trí thấp, sản xuất manh mún và quy mô nhỏ; giá cả, thị trường đầu ra, thiên tai, thời tiết cực đoan. Chúng ta cần nâng cao nhận thức của người dân; trước khi sản xuất phải tham khảo thị trường để đảm bảo sản lượng, tăng cường khảo sát. Chúng ta cần sản xuất theo phương pháp gia công sâu.

Danh sách đại biểu**Hội thảo tham vấn cấp trung ương tại Hà Nội**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
TRUNG ƯƠNG					
BNN&PTNT					
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
CÁC BỘ NGÀNH					

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
21					
22					
TRỤ SỞ CHÍNH JICA					
23					
24					
25					
26					
27					
JICA/SNRM2					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
TỔ CHỨC QUỐC TẾ					
35					
36					
37					
38					
39					
Các tổ chức phi chính phủ					
40					
41					
42					
43					
44					
KHÁC					
45					
46					

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
47					
48					
49					
50					
51					
52					
53					
54					
55					
CÁC TỈNH					
56					
57					
58					
59					
60					
61					

Hội thảo tham vấn vùng Tây Bắc tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
TRUNG ƯƠNG					
BNN&PTNT					
1					
2					
JICA/SNRM2					
3					
4					
5					
6					
7					
Tỉnh					
Điện Biên					
8					
9					
10					
Hòa Bình					
11					
12					
13					
14					
Sơn La					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
Lai Châu					
24					
Huyện					
25					

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					
36					

Hội thảo tham vấn cấp địa phương khu vực Tây Bắc tại thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
TRUNG ƯƠNG					
BNN&PTNT					
1					
2					
JICA/SNRM2					
3					
4					
5					
6					
TỈNH					
Sơn La					
7					
HUYỆN					
Thuận Châu					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
Xã					
21					
22					
23					
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
32					
33					
34					
35					
36					
37					
38					
39					
40					

Hội thảo tham vấn khu vực Đông Bắc được tổ chức tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

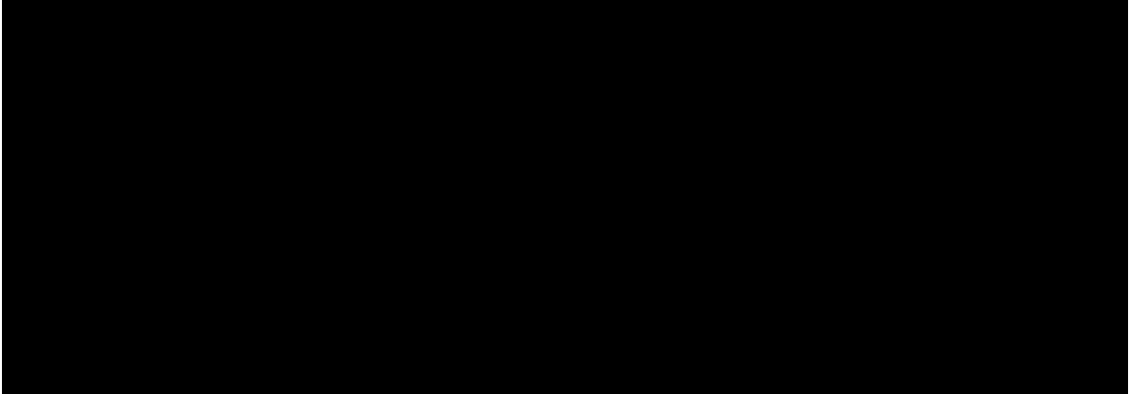
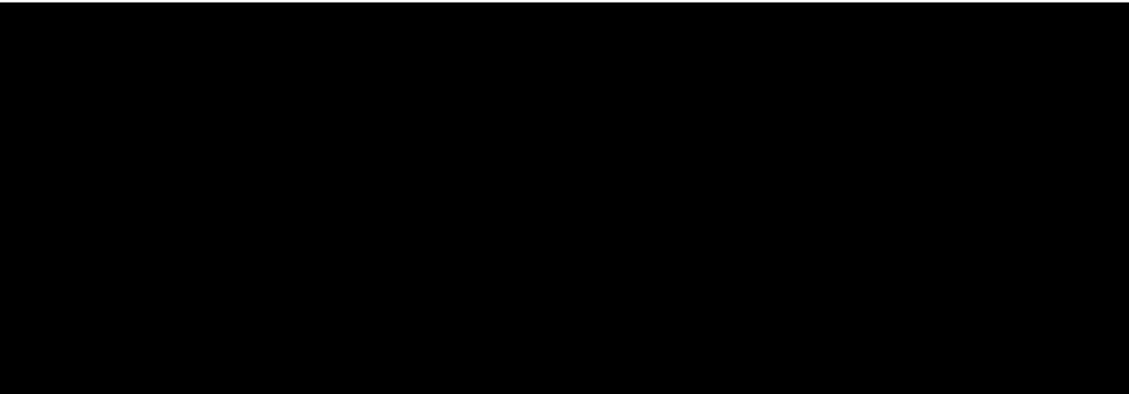
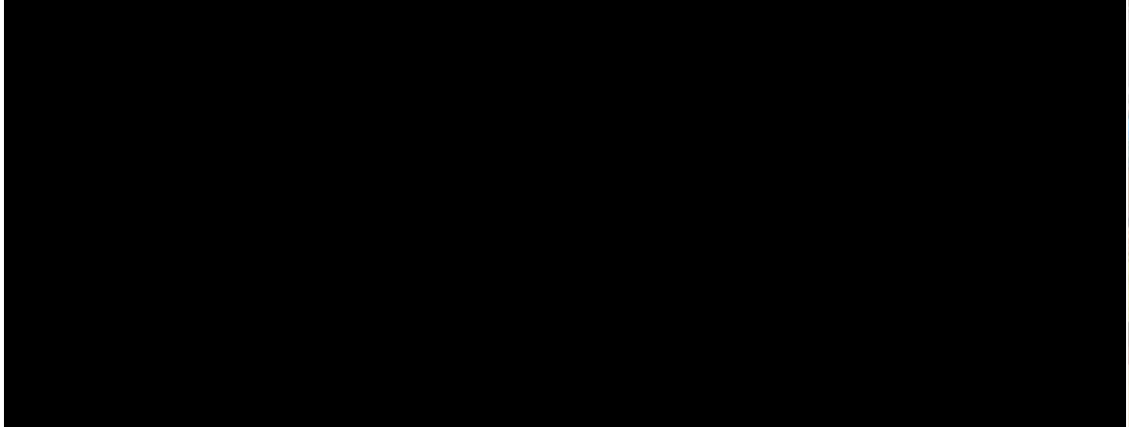
STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
TRUNG ƯƠNG					
BNN&PTNT					
1					
2					
3					
4					
JICA/SNRM2					
5					
6					
7					
8					
TỈNH					
Lào Cai					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
Bắc Kan					
17					
18					
Cao Bằng					
19					
20					
Hà Giang					
21					
22					
Tuyên Quang					
23					
24					
Lạng Sơn					
25					
26					
Thái Nguyên					
27					
28					
Yên Bái					

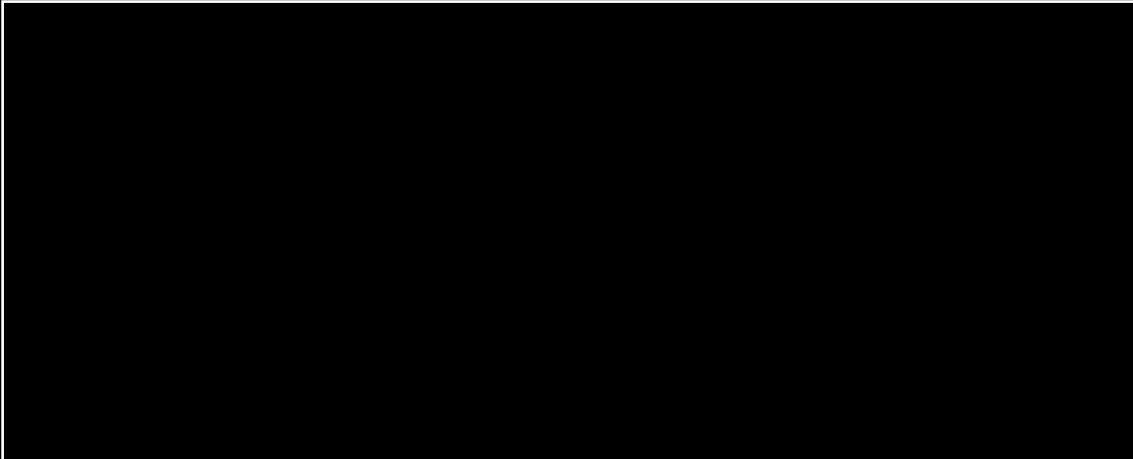
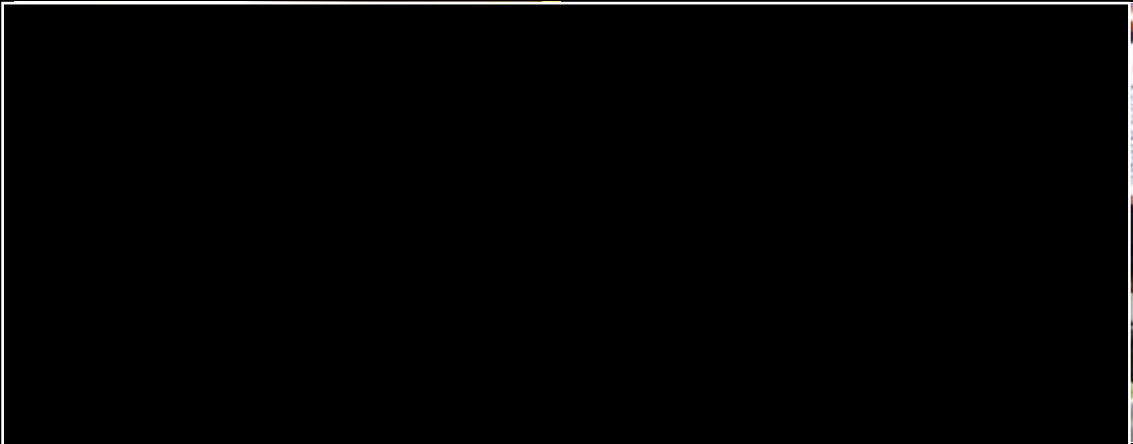
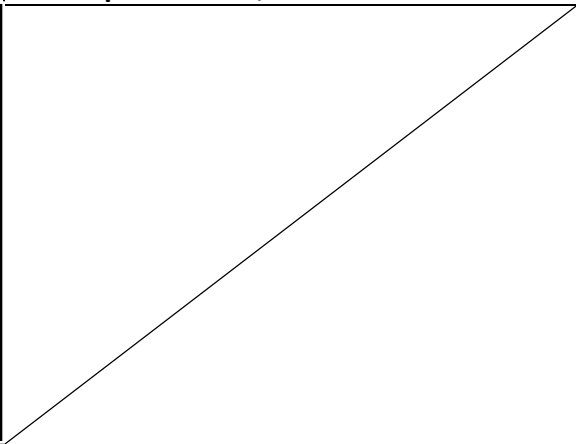
STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
29					
Huyện					
30					
31					
32					
33					
34					
35					
36					

Hội thảo tham vấn cấp địa phương khu vực Đông Bắc tại thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ chức	Giới tính	Dân tộc
TRUNG ƯƠNG					
JICA/SNRM2					
1.					
2.					
3.					
4.					
TỈNH					
5.					
HUYỆN					
Bat Xat					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					
Xã					
13.					
14.					
15.					
16.					
17.					
18.					
19.					
20.					
21.					
22.					
23.					
24.					

Phụ lục 2. Hình ảnh trong quá trình tham vấn

	
Tham vấn trung ương tại Hà Nội	Tham vấn trung ương tại Hà Nội
	
Tham vấn trung ương tại Hà Nội	Tham vấn trung ương tại Hà Nội
	
Hội thảo tham vấn các bên liên quan cấp khu vực Tây Bắc tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.	Hội thảo tham vấn các bên liên quan cấp khu vực Tây Bắc tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

	
Hội thảo tham vấn các bên liên quan cấp địa phương khu vực Tây Bắc tại thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Hội thảo tham vấn các bên liên quan cấp địa phương khu vực Tây Bắc tại thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La
	
Hội thảo tham vấn các bên liên quan cấp khu vực vùng Đông Bắc được tổ chức tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	Hội thảo tham vấn các bên liên quan cấp khu vực vùng Đông Bắc được tổ chức tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
	
Hội thảo tham vấn các bên liên quan cấp khu vực vùng Đông Bắc được tổ chức tại thị trấn Bát Xát, tỉnh Lào Cai.	

